BẢNG TỔNG HỢP

Tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia đối với dự thảo ban hành Quy chế phối hợp trong giải quyết thủ tục hành chính và hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư theo cơ chế "một trạm, một đầu mối" trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(Tổng hợp ý kiến tham gia theo đề nghị tại Văn bản số 7567/STC-XTĐT ngày 07/9/2026 (Đợt 1) và Văn bản số 9378/STC-XTĐT ngày 30/10/2026 (Đợt 2) của Sở Tài chính).

TT	Tên đơn vị	Nội dung ý kiến tham gia	Tiếp thu, chỉnh sửa
I. NHÓM CÓ Ý KIẾN THAM GIA GÓP Ý			
1	Sở Xây dựng (Văn bản số 5127/SXD-ĐTXD ngày 11/9/2026)	- Cơ bản thống nhất với sự cần thiết ban hành và các nội dung chủ yếu của dự thảo Quy chế. - Đề nghị một số nội dung sau: (1) Điều chỉnh Phụ lục I, cột "Cơ quan phối hợp chính": STT 1; STT 9; STT 11; STT 12; STT 13; STT 14; STT 15; STT 16; STT 18, như sau: - "Cơ quan chuyên môn; UBND xã/ phường có liên quan; Ban Quản lý cấp tỉnh; đơn vị hạ tầng". - "Cơ quan chuyên môn; UBND xã/ phường có liên quan". - "Cơ quan chuyên môn; UBND xã/ phường có liên quan". - "Cơ quan chuyên môn; UBND xã/ phường có liên quan; đơn vị hạ tầng". - "Cơ quan chuyên môn; UBND xã/ phường có liên quan; đơn vị hạ tầng". - "Cơ quan chuyên môn; UBND xã/ phường có liên quan". - "Cơ quan chuyên môn; UBND xã/ phường có liên quan; Điện lực; Ban Quản lý các Khu công nghiệp và Khu kinh tế". - "Cơ quan chuyên môn; UBND xã/ phường có liên quan". - "Cơ quan chuyên môn; UBND xã/ phường có liên quan".	- Sở Tài chính tiếp thu: + Điều chỉnh cơ quan phối hợp chính và cơ quan thực hiện/đầu mối chuyên môn tại phụ lục I theo ý kiến tham gia. + Điều chỉnh thời gian xác định sơ bộ thủ tục và lộ trình thực hiện thủ tục dự án thành 05 ngày làm việc.

TT	Tên đơn vị	Nội dung ý kiến tham gia	Tiếp thu, chỉnh sửa
		(2) Điều chỉnh Phụ lục I, cột "Cơ quan thực hiện/đầu mối chuyên môn": STT 12, như sau: - "Cơ quan có thẩm quyền theo phân cấp". (3) Điều chỉnh Phụ lục II, về thời gian xác định sơ bộ thủ tục và lộ trình dự án từ 05 đến 07 ngày làm việc.	
2	Sở Công Thương (Văn bản số 3588/SCT-VP ngày 10/9/2026)	- Đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung nêu tại Khoản 3 Điều 15 của dự thảo Quy chế. - Đề nghị bổ sung nội dung tại Khoản 3 Điều 18 của dự thảo Quy chế.	- Sở Tài chính tiếp thu: + Sửa đổi Khoản 3 Điều 15 như sau: "đối với ý kiến phối hợp không phải điều kiện bắt buộc, hết thời hạn lấy ý kiến nếu cơ quan phối hợp không có văn bản trả lời thì được coi là đồng ý với nội dung thuộc phạm vi quản lý và phải chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh nếu phát sinh hậu quả pháp lý thuộc phạm vi quản lý". + Bổ sung Khoản 3 Điều 18 như sau: "Trường hợp dự án có liên quan đến bí mật nhà nước, quốc phòng, an ninh hoặc bí mật công nghệ của nhà đầu tư, việc chia sẻ và liên kết dữ liệu phải tuân thủ nghiêm ngặt pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và phải được sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền hoặc nhà đầu tư"
3	Sở Tư pháp (Văn bản số 3125/STP-XDKTVB&THPL ngày 10/9/2026)	- Dự thảo Tờ trình, dự thảo Quyết định, chưa nêu cụ thể căn cứ pháp lý (điều, khoản, điểm của văn bản giao để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế), cơ sở thực tiễn phát sinh (khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn dẫn đến việc Ủy ban nhân dân tỉnh cần thiết ban hành Quy chế) để làm căn cứ xây dựng Quyết định ban hành Quy chế. - Soạn thảo dự thảo Quyết định dưới hình thức Quyết định	- Giải trình: + Tại dự thảo Tờ trình, mục I, sự cần thiết ban hành quy chế đã nêu rõ "quá trình chuẩn bị và triển khai dự án đầu tư, nhà đầu tư phải thực hiện nhiều thủ tục thuộc các lĩnh vực và thẩm quyền khác nhau như đầu tư, đất đai, môi trường, quy hoạch, xây dựng,

TT	Tên đơn vị	Nội dung ý kiến tham gia	Tiếp thu, chỉnh sửa
		hành chính, nhưng phần căn cứ ban hành lại nêu: "Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025, được sửa đổi, bổ sung ngày 25 tháng 6 năm 2025" là chưa thống nhất. Nội dung dự thảo Quyết định chứa quy phạm pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 (viết tắt là Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật)1, cụ thể: Nội dung dự thảo Quy chế ban hành kèm theo dự thảo Quyết định chứa quy tắc xử sự chung có hiệu lực bắt buộc chung, được áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh là không phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành. - Đề nghị xác định rõ căn cứ pháp lý, cơ sở thực tiễn để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cho phù hợp. - Trường hợp có căn cứ pháp lý và cần thiết ban hành Quyết định quy phạm pháp luật thì phải thực hiện lập danh mục/đăng ký xây dựng, soạn thảo, trình ban hành theo đúng theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP	phòng cháy, chữa cháy, công thương, thuế và các thủ tục chuyên ngành khác. Việc thiết lập một cơ chế phối hợp thống nhất, xuyên suốt giữa các cơ quan là cần thiết để hướng dẫn lộ trình, kết nối hồ sơ, theo dõi tiến độ, xử lý vướng mắc và nâng cao trách nhiệm của từng cơ quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao". - Sở Tài chính tiếp thu chỉnh sửa: + Bổ sung căn cứ điều khoản, cơ sở thực tiễn để ban hành Quyết định. + Thực hiện lập danh mục/đăng ký xây dựng, soạn thảo, trình ban hành theo đúng theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.
4	Sở Khoa học và Công nghệ (Văn bản số 3240/SKHCN-QLCN&CNg ngày 11/9/2026)	- Xác định cụ thể Quyết định này là quyết định quy phạm pháp luật hay quyết định hành chính. - Bổ sung tên của Điều 1 dự thảo Quyết định để bảo đảm theo quy định (khi đó sẽ chuyển khoản 1 thành tên Điều và không phân chia thành các khoản) - Đề nghị trình bày thống nhất Nội dung "Ban hành kèm theo Quyết định số ...../2026/QĐ-UBND ngày..... tháng	- Sở Tài chính tiếp thu chỉnh sửa: + Bổ sung tên của Điều 1 vào dự thảo Quyết định; + Chuẩn hóa thống nhất trong phần tiêu đề Quy chế.

TT	Tên đơn vị	Nội dung ý kiến tham gia	Tiếp thu, chỉnh sửa
		…..năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang", của Quy chế với ký hiệu Quyết định ban hành Quy chế.	
5	Văn phòng UBND tỉnh (Văn bản số 3510/VP-PVHCC ngày 11/9/2026)	- Việc ban hành Quy chế là cần thiết; - Về vai trò của đầu mối "một trạm, một đầu mối": Tập trung vào chức năng hướng dẫn, hỗ trợ, kết nối, phối hợp và theo dõi tiến độ thực hiện dự án, tổng hợp khó khăn, vướng mắc và tham mưu cấp có thẩm quyền chỉ đạo xử lý; không thay thế chức năng tiếp nhận, kiểm soát, theo dõi hồ sơ thủ tục hành chính của Trung tâm Phục vụ hành chính công và thẩm quyền giải quyết của các cơ quan chuyên môn. - Đề nghị phân định rõ hai cơ chế theo hướng "một trạm, một đầu mối" là cơ chế hỗ trợ, phối hợp chung đối với hoạt động đầu tư; "Luồng xanh" là cơ chế ưu tiên xử lý đối với các trường hợp được lựa chọn, bảo đảm bổ trợ, không chồng chéo. - Tiếp tục đối chiếu Nghị quyết số 81-NQ/TU, Kế hoạch số 214/KH-UBND và các nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính đang triển khai theo Nghị quyết số 258/NQ-CP; rà soát, thu gọn những nội dung không trực tiếp phục vụ mục tiêu hỗ trợ, phối hợp và theo dõi tiến độ dự án, bảo đảm không hình thành thêm quy trình, đầu mối hoặc cơ chế thực hiện thủ tục hành chính song song. Đồng thời, rà soát tính chất, hình thức pháp lý của văn bản, bảo đảm phù hợp với nội dung và thẩm quyền.	Giải trình: + V/v phân định vai trò điều phối, thẩm quyền giải quyết: Dự thảo Quy chế đã quy định tại khoản 1 Điều 3, khoản 2 Điều 17 và khoản 1 khoản 9 Điều 21. + Quy định tiếp nhận, trả kết quả vẫn qua cơ chế một cửa của Trung tâm Phục vụ hành chính công: Dự thảo Quy chế đã quy định cụ thể tại khoản 1 Điều 7, khoản 1 Điều 9. Sở Tài chính tiếp thu chỉnh sửa: + Bổ sung cấu phần về "Luồng xanh" đã được ban hành là cơ chế ưu tiên đảm bảo nguyên tắc không chồng chéo của dự thảo Quy chế. + Rà soát tổng thể dự thảo để đảm bảo không "tạo quy trình mới".
6	Ban quản lý các KCN và KKT tỉnh (Văn bản số 1609/BQLKCNKKT-ĐTXDMT ngày 11/9/2026)	- Cơ bản nhất trí với sự cần thiết ban hành Quy chế. Quy chế xác định rõ đây là cơ chế phối hợp, điều phối và hỗ trợ, không làm thay đổi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan theo quy định của pháp luật.	Giải trình: + V/v phân định thẩm quyền của Ban quản lý KCN&KKT tỉnh: Dự thảo Quy chế đã quy định khoản 2 Điều 10. Phụ lục I - STT 4 (Ban Quản lý là đầu mối chuyên môn). Đã

TT	Tên đơn vị	Nội dung ý kiến tham gia	Tiếp thu, chỉnh sửa
		- Dự thảo Quy chế tại khoản 2 Điều 7, khoản 2 Điều 8, khoản 3 Điều 9, khoản 2 Điều 10 và khoản 1 Điều 21, đề nghị làm rõ Sở Tài chính là đầu mối điều phối, kết nối, theo dõi, đôn đốc và tổng hợp thông tin; không thay thế cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, thẩm định, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính. Thống nhất nguyên tắc "một đầu mối điều phối" không đồng nghĩa với "một đầu mối tiếp nhận và giải quyết" toàn bộ thủ tục hành chính của dự án. - Đối với các dự án đầu tư trong khu công nghiệp, khu kinh tế, đề nghị quy định thống nhất việc Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh là cơ quan chủ trì thực hiện các thủ tục thuộc thẩm quyền của Ban hoặc được phân cấp, ủy quyền; Sở Tài chính thực hiện vai trò điều phối, kết nối, theo dõi và tổng hợp. Nội dung này đề nghị thể hiện thống nhất tại Điều 10, Điều 26 và Phụ lục I của dự thảo Quy chế, đặc biệt tại STT 4 Phụ lục I về thủ tục đầu tư đối với dự án trong khu công nghiệp, khu kinh tế. - Đối với việc xây dựng "Lộ trình thủ tục dự án", đề nghị Sở Tài chính phối hợp với cơ quan chuyên môn có liên quan, trong đó có Ban Quản lý đối với các dự án trong khu công nghiệp, khu kinh tế, để bảo đảm việc hướng dẫn nhà đầu tư phù hợp với quy định pháp luật và thực tế triển khai dự án. - Đề nghị rà soát các Phụ lục kèm theo Quy chế, bảo đảm chỉ quy định về phối hợp, điều phối, theo dõi và trao đổi thông tin; không làm phát sinh thêm thành phần hồ sơ, điều kiện, trình tự, thời hạn hoặc yêu cầu chuyên môn ngoài quy định của pháp luật và thủ tục hành chính đã được công bố.	có nguyên tắc phụ lục chỉ là "khung", không thay thế TTHC: Điều 5 khoản 2 và phần "Nguyên tắc áp dụng" của Phụ lục I. - Sở Tài chính tiếp thu điều chỉnh dự thảo Quy chế: + Điều 8 khoản 2, bổ sung "trường hợp dự án thuộc KCN/KKT, phối hợp Ban Quản lý… + Điều 26 khoản 3, điều chỉnh thống nhất với Điều 10 về thẩm quyền thực hiện thủ tục đầu tư dự án đối với các dự án đầu tư trong khu công nghiệp, khu kinh tế.
7	UBND xã Nậm Dịch	- Đề nghị xem xét, làm rõ và bổ sung một số nội dung:	Giải trình:

TT	Tên đơn vị	Nội dung ý kiến tham gia	Tiếp thu, chỉnh sửa
	(Văn bản số 1225/UBND-PKT ngày 10/9/2026)	+ Đề nghị trong quá trình hoàn thiện Quy chế tiếp tục bảo đảm nguyên tắc cơ chế điều phối không làm thay đổi thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính, không làm phát sinh thủ tục hành chính, thành phần hồ sơ, điều kiện, thời hạn hoặc nghĩa vụ tài chính ngoài quy định. + Rà soát, quy định cụ thể hơn phạm vi, nội dung và trách nhiệm phối hợp của UBND cấp xã đối với từng nhóm thủ tục, từng trường hợp cụ thể; đồng thời phân định rõ trách nhiệm của UBND cấp xã với cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cơ quan đăng ký đất đai, đơn vị phát triển quỹ đất và các cơ quan có liên quan. + Quy định rõ việc UBND cấp xã cung cấp thông tin, tham gia ý kiến, phối hợp khảo sát hoặc thực hiện các nội dung liên quan đến dự án đầu tư phải căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao và hồ sơ, nội dung được cơ quan chủ trì chuyên môn đề nghị. + Nghiên cứu quy định việc bố trí đầu mối phối hợp tại UBND cấp xã theo hướng phù hợp với điều kiện thực tế, chức năng, nhiệm vụ và biên chế được giao. + Đề nghị Sở Tài chính tổng hợp, nghiên cứu việc phân định rõ trách nhiệm, thẩm quyền của UBND cấp xã và các cơ quan chuyên môn.	+ Dự thảo Quyết định Khoản 2 Điều 1 đã nêu rõ và bao phủ đầy đủ nguyên tắc "không làm thay đổi thẩm quyền, không phát sinh TTHC, hồ sơ, thời hạn, nghĩa vụ tài chính"…Dự thảo Quy chế Khoản 3 Điều 1 đã khẳng định việc giải quyết từng TTHC theo pháp luật chuyên ngành, và phối hợp không làm thay đổi "thành phần hồ sơ, điều kiện, trình tự, thời hạn, phí, lệ phí…". + Dự thảo Quyết định Khoản 2 Điều 2 quy định nhiệm vụ trong thời hạn 30 ngày ban hành Quyết định, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, xây dựng và quản lý Danh mục thủ tục hành chính phục vụ điều phối, theo dõi và phối hợp giải quyết trên cơ sở các thủ tục hành chính đã được cơ quan, người có thẩm quyền công bố nêu tại Điều 5 của dự thảo Quy chế. + Dự thảo Quy chế đã nêu tại khoản 8 Điều 4, Điều 11, khoản 4 Điều 15, khoản 1 khoản 2 Điều 23. + Dự thảo Quy chế tại Điều 28 đã chuẩn hóa cách thức vận hành cơ chế đầu mối. + Dự thảo Quy chế theo Điều 31 quy định việc "phân định rõ" sẽ được cụ thể hóa tại Danh mục TTHC phục vụ điều phối và quy trình phối hợp chi tiết. - Sở Tài chính tiếp thu bổ sung:

TT	Tên đơn vị	Nội dung ý kiến tham gia	Tiếp thu, chỉnh sửa
			+ Sau ý thứ nhất của Khoản 1 Điều 28 cụm từ "theo hình thức kiêm nhiệm", để phù hợp điều kiện thực tế.
II. NHÓM ĐỒNG Ý, NHẤT TRÍ VỚI DỰ THẢO			
8	Sở Nông nghiệp & Môi trường (Văn bản số 6371/SNNMT-VP ngày 10/9/2026)	- Nhất trí với nội dung dự thảo Quy chế phối hợp và triển khai mô hình "Một trạm, một đầu mối điều phối".	
9	Sở Y tế (Văn bản số 5215/SYT-KHTC ngày 11/9/2026)	- Đồng ý với mô hình "Một trạm, một đầu mối điều phối"	
10	Sở Nội Vụ (Văn bản số 3486/SNV-TC ngày 09/9/2026)	- Nhất trí với nội dung Dự thảo.	
11	Công an tỉnh (Văn bản số 11596/CAT-ANKT ngày 10/9/2026)	- Đồng ý với mô hình "một trạm, một đầu mối điều phối"	
12	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh (Văn bản số 4872/BCH-TC ngày 10/9/2026)	- Đồng ý với mô hình "một trạm, một đầu mối điều phối" và không có ý kiến tham gia bổ sung.	
13	Thuế tỉnh Tuyên Quang (Văn bản số 2567/TQU-CNTK ngày 09/9/2026)	- Đồng ý với toàn văn dự thảo và không có ý kiến bổ sung thêm.	…
14	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Tuyên Quang (Văn bản số 693/CV-TTPTQĐ ngày 10/9/2026)	- Đồng ý với mô hình "Một trạm, một đầu mối điều phối"	

TT	Tên đơn vị	Nội dung ý kiến tham gia	Tiếp thu, chỉnh sửa
15	UBND xã Đồng Yên; (Văn bản số 1060/UBND-PKT ngày 08/9/2026)	- Nhất trí với nội dung dự thảo Quy chế và không có ý kiến tham gia bổ sung.	
16	UBND xã Khuôn Lùng (Văn bản số 1389/UBND-KT ngày 09/9/2026)	- Nhất trí với dự thảo Quy chế.	
17	UBND xã Thượng Sơn (Văn bản số 671/UBND-PKT ngày 09/9/2026)	- Nhất trí với nội dung Dự thảo Quy chế	
18	UBND xã Đường Hồng (Văn bản số 800/UBND-KT ngày 08/9/2026)	- Đồng ý với mô hình "Một trạm, một đầu mối điều phối".	
19	UBND xã Tân Thanh (Văn bản số 998/UBND-KT ngày 08/9/2026)	- Nhất trí với nội dung dự thảo Quy chế .	
20	UBND xã Lũng Phìn (Văn bản số 727/UBND-PKT ngày 09/9/2026)	- Nhất trí với nội dung dự thảo Quy chế .	
21	UBND xã Quản Bạ (Văn bản số 1252/UBND-KTTH ngày 09/9/2026)	- Nhất trí với nội dung dự thảo Quy chế .	
22	UBND xã Bản Máy (Văn bản số 1430/CV-UBND ngày 09/9/2026)	- Nhất trí với nội dung dự thảo Quy chế .	
23	UBND xã Hồ Thầu (Văn bản số 1519/UBND-KT ngày 09/9/2026)	- Đồng ý với mô hình "Một trạm, một đầu mối điều phối".	
24	UBND xã Xín Mần	- Thống nhất với chủ trương ban hành Quy chế.	

TT	Tên đơn vị	Nội dung ý kiến tham gia	Tiếp thu, chỉnh sửa
	(Văn bản số 518/BC-UBND ngày 09/9/2026)		
25	UBND xã Sủng Máng (Văn bản số 1223/UBND-KT ngày 09/9/2026)	- Nhất trí với các dự thảo Quy chế .	
26	UBND xã Vị Xuyên (Văn bản số 3137/UBND-KT ngày 10/9/2026)	- Nhất trí với nội dung dự thảo Quy chế và không có ý kiến bổ sung.	
27	UBND xã Ngọc Đường (Văn bản số 1868/UBND-KT ngày 10/9/2026)	- Nhất trí đối với mô hình "Một trạm, một đầu mối điều phối" cùng các nội dung được nêu trong dự thảo.	
28	UBND xã Tân An (Văn bản số 1189/UBND-KT ngày 10/9/2026)	- Nhất trí với dự thảo Quyết định Ban hành Quy chế.	
29	UBND xã Thuận Hòa (Văn bản số 1460/UBND-KT ngày 09/9/2026)	- Nhất trí và không có ý kiến.	
30	UBND xã Trung Hà (Văn bản số 680/UBND-KT ngày 09/9/2026)	- Nhất trí và không có ý kiến.	
31	UBND xã Minh Thanh (Văn bản số 1477/UBND-KT ngày 09/9/2026)	- Nhất trí với nội dung dự thảo Quy chế.	
32	UBND xã Yên Phú (Văn bản số 2437/UBND-KT ngày 08/9/2026)	- Nhất trí với dự thảo Quyết định và không có ý kiến.	
33	UBND xã Hồng Thái (Văn bản số 1188/UBND-TH ngày 09/9/2026)	- Nhất trí với nội dung dự thảo.	

TT	Tên đơn vị	Nội dung ý kiến tham gia	Tiếp thu, chỉnh sửa
34	UBND xã Bắc Mê (Văn bản số 1111/UBND-KT ngày 11/9/2026)	- Nhất trí với các nội dung dự thảo Quy chế.	
35	UBND xã Thàng Tín (Văn bản số 1479/UBND-PKT ngày 11/9/2026)	- Hoàn toàn đồng ý với mô hình "Một trạm, một đầu mối điều phối".	
36	UBND xã Hòa An (Văn bản số 1632/UBND-KT ngày 09/9/2026)	- Đồng ý với mô hình "Một trạm, một đầu mối điều phối" và không có ý kiến gì thêm.	
37	UBND xã Du Già (Văn bản số 1622/UBND-KT ngày 10/9/2026)	- Nhất trí với nội dung dự thảo.	
38	UBND xã Sơn Vĩ (Văn bản số 593/UBND-KT ngày 11/9/2026)	- Đồng ý với nội dung trong dự thảo Quy chế.	
39	UBND xã Yên Nguyên (Văn bản số 1821/UBND - KT ngày 11/9/2026)	- Đồng ý với mô hình "Một trạm, một đầu mối điều phối"; nhất trí với nội dung dự thảo.	
40	UBND xã Yên Sơn (Văn bản số 1507/UBND-KT ngày 09/9/2026)	- Nhất trí với nội dung trong dự thảo và không có ý kiến gì thêm.	
41	UBND xã Thông Nguyên (Văn bản số 718/UBND-PKT ngày 11/9/2026)	- Hoàn toàn nhất trí và không có ý kiến gì thêm.	
42	UBND xã Kiến Thiết (Văn bản số 502/UBND-KT ngày 10/9/2026)	- Nhất trí với toàn bộ dự thảo văn bản và không có ý kiến sửa đổi.	
43	UBND xã Bạch Xa	- Nhất trí với dự thảo Quyết định.	

TT	Tên đơn vị	Nội dung ý kiến tham gia	Tiếp thu, chỉnh sửa
	(Văn bản số 1276/UBND-KT ngày 10/9/2026)		
44	UBND xã Tân Long (Văn bản số 1210/UBND-KT ngày 11/9/2026)	- Nhất trí với dự thảo Quyết định.	
45	UBND xã Côn Lôn (Văn bản số 748/UBND-KT ngày 10/9/2026)	- Nhất trí với nội dung dự thảo Quy chế.	
46	UBND xã Hoàng Su Phì (Văn bản số 1523/UBND-KT ngày 11/9/2026)	- Nhất trí với các nội dung của dự thảo Quy chế.	
47	UBND xã Pà Vầy Sủ (Văn bản số 1246/UBND-KT ngày 11/9/2026)	- Thống nhất, đồng ý với mô hình "Một trạm, một đầu mối điều phối" và nội dung dự thảo Quy chế.	
48	UBND xã Hàm Yên (Văn bản số 1521/UBND-KT ngày 14/9/2026)	- Nhất trí các nội dung trong dự thảo và không có ý kiến gì thêm.	
49	UBND xã Tân Quang (Văn bản số 1157/UBND-PKT ngày 14/9/2026)	- Nhất trí với nội dung trong dự thảo và không có ý kiến tham gia, bổ sung thêm.	
50	UBND xã Bạch Ngọc (Văn bản số 1438/UBND-KT ngày 13/9/2026)	- Nhất trí với nội dung dự thảo và không có ý kiến bổ sung.	
51	UBND xã Thái Bình (Văn bản số 1466/UBND-KT ngày 11/9/2026)	- Nhất trí với dự thảo Quy chế.	
52	UBND xã Linh Hồ (Văn bản số 1273/UBND-KT ngày 14/9/2026)	- Đồng ý với dự thảo Quy chế.	

TT	Tên đơn vị	Nội dung ý kiến tham gia	Tiếp thu, chỉnh sửa
53	UBND phường Hà Giang 2 (Văn bản số 2065/UBND-KTHTĐT ngày 15/9/2026)	- Nhất trí với nội dung dự thảo văn bản nêu trên và không có ý kiến bổ sung.	
54	UBND xã Lùng Tám (Văn bản số 942/BC-UBND ngày 14/9/2026)	- Nhất trí toàn bộ nội dung dự thảo Quy chế.	
55	UBND xã Xuân Vân (Văn bản số 942/UBND-KT ngày 14/9/2026)	- Nhất trí với nội dung của dự thảo của Quy chế.	
56	UBND phường An Tường (Văn bản số 3246/UBND-KT,HT&ĐT ngày 16/9/2026)	- Nhất trí với nội dung dự thảo.	
57	UBND xã Minh Tân (Văn bản số 1805/UBND-KT ngày 15/9/2026)	- Đồng ý nhất trí với những nội dung trong Quy chế.	
	ĐỢT 2 (Văn bản xin ý kiến số 9378/STC-XTĐT ngày 30/10/2026 của Sở Tài chính		
I. NHÓM CÓ Ý KIẾN THAM GIA GÓP Ý			
58	Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh (Văn bản số 375/CV-HH ngày 03/11/2026)	- Mục II.1 của Văn bản: + Đổi tên Điều 1 từ "Phạm vi điều chỉnh" thành "Ban hành Quy chế"; + Sửa "Nơi nhận: Như Điều 4" thành "Như khoản 3 Điều 3" - Mục II.2 của Văn bản: + Bổ sung giải thích "trạm"; + Ghi rõ hỗ trợ theo nhu cầu, không thu thêm phí, không bắt buộc có mã điều phối hoặc "Lộ trình thủ tục dự án" trước khi	- Sở Tài chính tiếp thu Mục II.1: + Sửa Điều 1 từ "Phạm vi điều chỉnh" thành "Ban hành kèm theo Quyết định Quy chế phối hợp trong giải quyết thủ tục hành chính và hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư theo cơ chế "một trạm, một đầu mối" trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang"; + Sửa "Nơi nhận: Như Điều 4" thành "Như Điều 3 (Nay là Điều 2 sau khi tiếp thu chỉnh sửa);

TT	Tên đơn vị	Nội dung ý kiến tham gia	Tiếp thu, chỉnh sửa
		nộp hồ sơ; không dùng ý kiến hướng dẫn sơ bộ làm điều kiện chấp thuận/cấp phép; - Mục II.3 của Văn bản: + Sở Tài chính điều phối tổng thể; + Trung tâm Phục vụ hành chính công và các điểm tiếp nhận hợp pháp tiếp nhận, trả kết quả; cơ quan chuyên ngành thẩm định, quyết định hoặc trình theo thẩm quyền. + Đối với dự án trong khu công nghiệp, khu kinh tế, đề nghị quy định Ban Quản lý là đầu mối hỗ trợ trực tiếp theo phạm vi được giao, cập nhật Sở Tài chính để tổng hợp toàn tỉnh; không để doanh nghiệp phải báo cáo trùng cho cả hai. + Tách rõ nhiệm vụ của Văn phòng UBND tỉnh và Trung tâm tại khoản 3 Điều 22, phù hợp chức năng, cơ cấu đã được quy định. - Mục II.4 của Văn bản: + Khoản 4 Điều 5 chỉ cho triển khai khi có quy trình điện tử, cấu hình kết nối, trong khi Điều 31 vẫn cho phép hỗ trợ thủ công. Đề nghị sửa theo hướng: "Hoạt động hướng dẫn, hỗ trợ, theo dõi và đôn đốc được thực hiện ngay theo phương thức công vụ hợp pháp; việc kết nối, liên thông, tự động cập nhật dữ liệu chỉ thực hiện khi đáp ứng điều kiện kỹ thuật, pháp lý và quy trình được phê duyệt". Không để sự chậm hoàn thiện phần mềm cản trở quyền được hỗ trợ. - Mục II.5 của Văn bản: + Quy định một dự án sử dụng chung thông tin điều phối và kết quả xử lý; các cơ chế ưu tiên, tăng tốc chỉ áp dụng đúng phạm vi Quyết định số 2182/QĐ-UBND ngày 03/9/2026 và không được làm ảnh hưởng thời hạn, quyền	- Sở Tài chính tiếp thu Mục II.2: + Bổ sung Khoản 6 vào sau Khoản 5 Điều 3.Giải thích từ ngữ của Dự thảo. "Trạm" bao hàm là điểm/kênh hỗ trợ, điều phối trên hạ tầng hiện có, không phải cơ quan hay Bộ phận Một cửa mới. - Giải trình Mục II.2: + Khoản 3 Điều 2; khoản 2 Điều 3; khoản 1, khoản 5 Điều 8 (Điều 7 sau khi tiếp thu chỉnh sửa); khoản 2, khoản 6 Điều 9 (Điều 8 sau khi tiếp thu chỉnh sửa) nêu rõ: nguyên tắc tự nguyện, mã điều phối không bắt buộc, hướng dẫn sơ bộ không ràng buộc. - Tiếp thu một phần Mục II.2: + Bổ sung vào Khoản 1 Điều 8 (Điều 7 sau khi tiếp thu chỉnh sửa) Dự thảo nội dung "*Hoạt động hỗ trợ theo Quy chế này không thu phí hỗ trợ*"; bổ sung vào Khoản 2 Điều 24 (Điều 22 sau khi tiếp thu chỉnh sửa) Dự thảo nội dung "*Việc có mã điều phối dự án hoặc Lộ trình thủ tục dự án không phải điều kiện để tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính. Phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính của từng thủ tục hành chính thực hiện theo quy định pháp luật*". - Giải trình Mục II.3: + Khoản 1, khoản 3 Điều 3; khoản 1 đến khoản 3 Điều 10 (Điều 9 sau khi tiếp thu chỉnh sửa); khoản 2 Điều 16 (Điều 15 sau

TT	Tên đơn vị	Nội dung ý kiến tham gia	Tiếp thu, chỉnh sửa
		lợi của dự án khác. Không mở thêm sổ theo dõi, chế độ báo cáo hoặc đầu mối doanh nghiệp chỉ vì dự án đồng thời thuộc hai cơ chế. - Mục II.6 của Văn bản: + Giữ mốc hỗ trợ không quá 05 ngày làm việc khi đủ thông tin sơ bộ; bổ sung trách nhiệm thông báo đã tiếp nhận và chỉ định công chức phụ trách. Với dự án phức tạp, phải gửi kết quả hướng dẫn ban đầu, nêu rõ phần cần xin ý kiến, lý do và ngày dự kiến phản hồi, tránh hẹn không xác định. Lộ trình cần thể hiện rõ thủ tục bắt buộc/theo điều kiện; cơ quan có thẩm quyền; hồ sơ, kênh tiếp nhận; quan hệ trước-sau; việc có thể làm song song; các điểm nghẽn quy hoạch, đất đai, môi trường, xây dựng, PCCC. - Mục II.7 của Văn bản: + Bộ phận Một cửa thông báo bổ sung theo đúng thủ tục; cơ quan chủ trì tổng hợp ý kiến các cơ quan phối hợp và hướng dẫn đầy đủ một lần đối với thiếu sót có thể xác định. Yêu cầu tiếp theo chỉ khi có căn cứ pháp luật hoặc tình tiết phát sinh hợp lệ, phải ghi rõ nguyên nhân; không dùng cuộc gọi, tin nhắn hay "trao đổi kỹ thuật" để buộc nhà đầu tư nộp hồ sơ ngoài quy trình. Mã điều phối chỉ phục vụ quản lý nội bộ, không là điều kiện tiếp nhận hoặc lý do tạm dừng hồ sơ. - Mục II.8 của Văn bản: + Cơ quan được hỏi phải kết luận cụ thể từng vấn đề, kèm căn cứ; nếu không thuộc chức năng phải trả lời ngay để chuyển đúng đầu mối. Họp/khảo sát liên ngành cần có biên bản xác định việc đã thống nhất, nội dung còn khác nhau,	khi tiếp thu chỉnh sửa); Điều 21 (Điều 19 sau khi tiếp thu chỉnh sửa) đến Điều 23 (Điều 21 sau khi tiếp thu chỉnh sửa) đã phân định điều phối, tiếp nhận, thẩm định, quyết định, trình hồ sơ. - Tiếp thu một phần Mục II.3: + Bỏ Điều 7 dự thảo Quy chế đã được quy định tại Nghị định số 118/2025/NĐ-CP tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa, không quy định lại những nội dung đã được quy định tại VBQPPL hiện hành. + Bổ sung nhiệm vụ Ban Quản lý các KCN&KKT khoản 2 Điều 8 (Điều 7 sau khi tiếp thu chỉnh sửa) Dự thảo và cơ chế cập nhật Sở Tài chính, không hình thành đầu mối điều phối tổng thể thứ hai. - Sở Tài chính tiếp thu Mục II.3: + Không quy định lại nhiệm vụ Văn phòng UBND tỉnh. Đổi tên Điều 22 (Điều 20 sau khi tiếp thu chỉnh sửa) Dự thảo, thành " *Trách nhiệm của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh*" + Bổ sung chủ thể " *Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh*" vào khoản 3 Điều 22 Dự thảo (Khoản 1 Điều 20 sau khi tiếp thu chỉnh sửa). - Sở Tài chính tiếp thu Mục II.4: + Sửa khoản 4 Điều 5 để thống nhất Điều 31 (Điều 29 sau khi tiếp thu chỉnh sửa). Bổ

TT	Tên đơn vị	Nội dung ý kiến tham gia	Tiếp thu, chỉnh sửa
		chủ thể và mốc xử lý; không thay thế thẩm định bắt buộc. Gộp khoản 2 và khoản 3 Điều 15 vì cùng quy định đôn đốc chậm trả lời. Không suy diễn việc im lặng là đồng ý khi pháp luật không quy định. - Mục II.9 của Văn bản: + Thiết lập cảnh báo trước thời điểm hết hạn theo quy trình đã phê duyệt; ghi rõ công chức xử lý, lãnh đạo phụ trách, thời điểm cảnh báo, nguyên nhân và hướng khắc phục. Cơ quan chậm phải thông báo và chịu trách nhiệm giải trình; Sở Tài chính tổng hợp, chuyển cấp có thẩm quyền xử lý đúng trách nhiệm. Mốc phối hợp nội bộ không phải căn cứ cộng thêm thời gian, tạm dừng hồ sơ; khuyến khích hoàn thành sớm nhưng không thay đổi thời hạn pháp lý công bố. - Mục II.10 của Văn bản: + Tách ba nhóm: bí mật nhà nước; dữ liệu cá nhân; bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ. Việc tiếp cận, sử dụng, chia sẻ phải đúng mục đích, căn cứ pháp luật, thẩm quyền và phân quyền truy cập; + Chỉ yêu cầu sự đồng ý của chủ thể khi pháp luật đòi hỏi, không coi "chấp thuận của cơ quan hoặc nhà đầu tư" là căn cứ thay thế cho nhau. Không đưa hồ sơ công nghệ, tài chính, phương án kinh doanh lên bảng theo dõi công khai. - Mục II.11 của Văn bản: + Đề nghị đưa nội dung tháo gỡ vướng mắc về giao đất, giải phóng mặt bằng, kết nối điện-nước-giao thông, điều chỉnh dự án và thủ tục môi trường, xây dựng vào danh mục theo dõi ưu tiên. + Phân định việc hỗ trợ, phối hợp theo Quy chế với trách nhiệm quản lý, thanh tra, kiểm tra chuyên ngành; không	sung theo nội hàm việc chưa hoàn thiện điều kiện vận hành điện tử không phải là điều kiện để nhà đầu tư bị từ chối quyền được hỗ trợ lập lộ trình, theo dõi và điều phối dự án. - Tiếp thu một phần Mục II.5: + Điều 18 (Điều 17 sau khi tiếp thu chỉnh sửa), Điều 28 (Điều 26 sau khi tiếp thu chỉnh sửa) quy định chia sẻ dữ liệu. Bổ sung Khoản 2 Điều 6 nguyên tắc dùng chung dữ liệu, không yêu cầu doanh nghiệp báo cáo lặp vì tham gia hai cơ chế. - Giải trình Mục II.6: + Khoản 2, Khoản 3 Điều 8; khoản 1 Điều 28 Dự thảo. - Giải trình Mục II.7: + Khoản 3 Điều 9; khoản 1 đến khoản 6 Điều 12; khoản 2 Điều 9 Dự thảo đã bao hàm. + Khoản 5 Điều 12. Tuy nhiên tiếp thu bổ sung yêu cầu ghi nguyên nhân bổ sung tiếp theo (nêu rõ nguyên tắc không được yêu cầu tài liệu ngoài phạm vi pháp luật cho phép) - Giải trình, tiếp thu Mục II.8: + Khoản 2, khoản 5 Điều 11; khoản 3 Điều 13; khoản 4 Điều 8 Dự thảo quy định có nội dung tương ứng. + Bỏ Khoản 2 Điều 15, gộp Khoản 4 vào Khoản 3 Điều 15, chỉnh sửa lại một số câu

TT	Tên đơn vị	Nội dung ý kiến tham gia	Tiếp thu, chỉnh sửa
		hình thành thêm cuộc kiểm tra chỉ vì dự án tham gia cơ chế, tránh chồng chéo thời điểm và nội dung. - Mục II.12 của Văn bản: + Quy định mỗi cơ quan có một đầu mối chính và người thay thế; đầu mối quản trị dữ liệu riêng, tránh giao đồng thời cho nhiều đơn vị. + Chỉ số đánh giá cần có tỷ lệ hồ sơ đúng hạn, số lần yêu cầu bổ sung, thời gian xử lý vướng mắc và mức độ hài lòng; phân biệt số liệu TTHC chính thức với chỉ số hỗ trợ nội bộ. + Phụ lục I phải đối chiếu mã TTHC, phân cấp, ủy quyền; Phụ lục III chỉ là mẫu tham khảo. + Đề nghị lược khoản 9 Điều 21 do trùng nguyên tắc giới hạn thẩm quyền đã nêu ở khoản 1 và Điều 4, đồng thời giữ rõ trách nhiệm của Sở Tài chính. Sửa viện dẫn "khoản 4 Điều 29" ở cuối Phụ lục IV do Điều 29 hiện chỉ có 03 khoản; Phụ lục V bổ sung ngày nhận, hạn phản hồi, người chịu trách nhiệm và trạng thái xử lý. - Mục III.1 của Văn bản: + Một kênh hỗ trợ, đúng nơi giải quyết: Công khai đầu mối, điện thoại, thư điện tử công vụ, lịch tiếp nhận và kênh phản ánh; không lập quầy hay thủ tục cấp phép mới. Sở Tài chính quản lý yêu cầu hỗ trợ; hồ sơ chính thức vẫn được nộp, xử lý, trả kết quả tại điểm/kênh hợp pháp đã công bố. Nhà đầu tư có quyền không sử dụng cơ chế hỗ trợ. - Mục III.2 của Văn bản: + Quy trình 05 bước, có đầu ra cụ thể. (i) Tiếp nhận và thông báo người phụ trách, phấn đấu trong 02 ngày làm việc; (ii) lập lộ trình theo Điều 8, thông thường không quá 05 ngày làm việc khi đủ thông tin sơ bộ; (iii) liên kết mã	từ tại Khoản 3 Điều 15 và đánh lại Khoản mục của Điều 15. + Khoản 9 Điều 4 Dự thảo yêu cầu tuân thủ pháp luật chuyên ngành, do đó cơ chế "im lặng không mặc nhiên coi là đồng ý". - Giải trình Mục II.9: + Khoản 1 đến khoản 5 Điều 14; khoản 1, khoản 2 Điều 15; Điều 28, Điều 30 của Dự thảo đã bao hàm nội dung đề nghị. - Sở Tài chính tiếp thu Mục II.10: + Sửa khoản 3 Điều 18 Dự thảo theo nguyên tắc "không công khai hồ sơ nhạy cảm, đồng thời tách bí mật nhà nước, dữ liệu cá nhân, bí mật kinh doanh/công nghệ". - Giải trình, tiếp thu Mục II.11: + Điều 25, Điều 26 Dự thảo đã bao hàm nội dung theo dõi tiến độ dự án sau chấp thuận và xử lý vướng mắc đối với từng lĩnh vực. + Khoản 1, khoản 3 Điều 1; khoản 4 Điều 13; Điều 27 Dự thảo. Tiếp thu bổ sung tại Khoản 1 Điều 27 Dự thảo nội dung "Việc tham gia cơ chế hỗ trợ không tự làm phát sinh cuộc thanh tra, kiểm tra". - Giải trình, tiếp thu Mục II.12: + Khoản 1 Điều 28; khoản 6 Điều 21 và khoản 3, khoản 4 Điều 28 Dự thảo, phân biệt một đầu mối liên hệ khác với các vai trò "chỉ đạo, xử lý, thay thế".

TT	Tên đơn vị	Nội dung ý kiến tham gia	Tiếp thu, chỉnh sửa
		hồ sơ chính thức; (iv) cảnh báo, giao cơ quan đúng thẩm quyền xử lý vướng mắc; (v) thông báo kết quả hỗ trợ và bước tiếp theo. Mốc hỗ trợ nội bộ không làm thay đổi thời hạn TTHC. - Mục III.3 của Văn bản: + Một bảng theo dõi, không nhập dữ liệu hai lần. Ghi tối thiểu dự án, mã hồ sơ, cơ quan xử lý, ngày nhận, hạn luật định, trạng thái từ hệ thống nguồn, vướng mắc, người phụ trách và kết quả. Ưu tiên kết nối hệ thống hiện hữu; công cụ điều phối không được tự sửa trạng thái, thời hạn, kết luận chuyên môn. Chưa liên thông thì theo dõi nội bộ có phân quyền, lưu vết. - Mục III.4 của Văn bản: + Vướng mắc phải có điểm kết thúc. Việc một ngành do cơ quan chuyên môn trả lời; liên ngành do Sở Tài chính điều phối, ghi rõ trách nhiệm và thời hạn trong biên bản; vượt thẩm quyền báo cáo cấp có thẩm quyền kèm phương án. Nhà đầu tư được biết tình trạng, lý do chậm, hướng xử lý; không coi "đã chuyển cơ quan khác" là kết quả cuối cùng. - Mục III.5 của Văn bản: + Đo hiệu quả từ trải nghiệm doanh nghiệp. Theo dõi tỷ lệ phản hồi đúng hẹn, hồ sơ đúng hạn, số lần bổ sung, ngày xử lý điểm nghẽn, tái sử dụng dữ liệu và mức độ hài lòng; công khai số liệu tổng hợp phù hợp quy định bảo mật. Không lấy số cuộc họp, văn bản đôn đốc làm tiêu chí thành tích cải cách - Mục IV.1 của Văn bản: + Quy định rõ thẩm quyền, trách nhiệm giải trình. Sở Tài chính phối hợp Sở Tư pháp lập bảng tiếp thu từng góp ý,	+ Khoản 2 Điều 29 Dự thảo, số liệu hỗ trợ chỉ đánh giá hoạt động điều phối. + Khoản 1 đến khoản 3 Điều 5; khoản 1 Điều 31 Dự thảo đã yêu cầu xây dựng danh mục theo mã TTHC thực hiện trong sản phẩm triển khai. Phụ lục III ghi rõ không bắt buộc, không thay thế biểu mẫu chuyên ngành. + Tiếp thu đề nghị lược khoản 9 Điều 21 gộp vào Khoản 1 Điều 21 Dự thảo, để làm rõ giới hạn trách nhiệm tại khoản 1 Điều 21. + Tiếp thu sửa viện dẫn Phụ lục IV và hoàn thiện Phụ lục V. Bổ sung nội dung "công khai chỉ số tổng hợp phải tuân thủ quy định" vào khoản 3 Điều 29 Dự thảo, cập nhật lại phụ lục IV dẫn Khoản 3 Điều 29 sau chỉnh sửa. - Giải trình Mục III.1: + Điều 7; khoản 1 Điều 20; khoản 2 Điều 24; Điều 9 Dự thảo. - Giải trình Mục III.2: + Điều 8 đến Điều 17 Dự thảo; Phụ lục II có quy trình phối hợp nội bộ 08 bước gắn với luồng TTHC. - Giải trình, tiếp thu Mục III.3: + Khoản 2 Điều 9; khoản 5 Điều 10; Điều 18; khoản 4 Điều 28 Dự thảo. Tiếp thu bổ sung nội dung "không làm sai lệch dữ liệu

TT	Tên đơn vị	Nội dung ý kiến tham gia	Tiếp thu, chỉnh sửa
		nêu nội dung sửa, bỏ hoặc giữ kèm lý do. Xác định dứt khoát cơ quan điều phối, tiếp nhận, thẩm định, quyết định và chịu trách nhiệm khi chậm; không tạo tầng trung gian hay thủ tục xin ý kiến mới. - Mục IV.2 của Văn bản: + Triển khai 30 ngày, có sản phẩm bàn giao. Giao Sở Tài chính chủ trì: 10 ngày đầu công bố đầu mối, danh mục TTHC; 10 ngày tiếp hoàn thiện ma trận trách nhiệm, lộ trình mẫu, quy tắc chia sẻ dữ liệu; 10 ngày cuối kiểm thử liên ngành, tập huấn, vận hành kênh phản ánh. Mỗi nhiệm vụ phải có đơn vị phụ trách, sản phẩm, hạn hoàn thành; không chuyển việc nội bộ sang doanh nghiệp. - Mục IV.3 của Văn bản: + Công khai lộ trình và rủi ro đầu tư từ sớm. Cung cấp hợp pháp thông tin quy hoạch, đất đai, môi trường, xây dựng, phòng cháy, đấu nối hạ tầng; phân biệt thủ tục bắt buộc, phụ thuộc và được làm song song. Lộ trình mẫu theo nhóm dự án ghi rõ nguồn, ngày cập nhật, cơ quan chuyên môn và giới hạn của thông tin sơ bộ; giảm nguy cơ phải sửa hồ sơ nhiều lần. - Mục IV.4 của Văn bản: + Xử lý vướng mắc đến khi có kết quả. Mỗi kiến nghị phải có đầu mối theo dõi, cơ quan giải quyết đúng thẩm quyền, mốc phản hồi và kết quả gửi nhà đầu tư; "đã chuyển cơ quan khác" không phải hoàn thành. Ưu tiên đất đai - giải phóng mặt bằng, môi trường, xây dựng - phòng cháy, đấu nối hạ tầng. Việc vượt thẩm quyền phải báo cáo kèm phương án, không tự kéo dài hạn giải quyết TTHC. - Mục IV.5 của Văn bản:	TTHC chính thức" vào Khoản 2 Điều 18 Dự thảo. - Giải trình, tiếp thu Mục III.4: + Khoản 1, khoản 2 Điều 26; khoản 3 Điều 32; Phụ lục V Dự thảo. Tiếp thu bổ sung Khoản 1 Điều 26 nội dung "trách nhiệm cập nhật kết quả, thông báo nhà đầu tư, Không hiểu thành cam kết mọi kiến nghị đều được chấp thuận". - Giải trình, tiếp thu Mục III.5: + Khoản 2 Điều 29; Phụ lục IV Dự thảo. - Giải trình Mục IV.1: + Điều 3, Điều 10, Điều 16, Điều 21 đến Điều 23, Điều 30 Dự thảo. Việc lập bảng tiếp thu là công việc trong quy trình thực hiện thẩm định xem xét phê duyệt của hồ sơ Dự thảo. - Giải trình Mục IV.2: + Khoản 2 Điều 2 Quyết định; khoản 1, khoản 4 Điều 31 Dự thảo. Tiếp thu vào kế hoạch triển khai sau khi Quyết định được phê duyệt (nếu dự thảo được phê duyệt), không cam kết hoàn thành mọi kết nối kỹ thuật trong 30 ngày khi hạ tầng kỹ thuật chưa thể đáp ứng hoặc chưa đồng bộ liên thông các TTHC đã được phê duyệt, công bố. Sở Tài chính chỉ tổng hợp danh mục điều phối khi các TTHC của từng lĩnh vực

TT	Tên đơn vị	Nội dung ý kiến tham gia	Tiếp thu, chỉnh sửa
		+ Không tăng đầu mối, dữ liệu và chi phí. Dùng hệ thống một cửa hiện có, chia sẻ với cơ chế "Luồng xanh"; không đặt hai đầu mối, hai báo cáo cho cùng dự án. Mã điều phối chỉ phục vụ nội bộ; không bắt đăng ký, nhập lại dữ liệu, nộp giấy tờ hoặc trả phí hỗ trợ. Chưa liên thông thì cơ quan nhà nước tự cập nhật, bảo đảm phân quyền và lưu vết. - Mục IV.6 của Văn bản: + Thí điểm 06 tháng, đánh giá độc lập. Chọn dự án vốn ngoài ngân sách có nhiều thủ tục liên ngành; đo thời gian thực tế, số lần bổ sung, lượt đi lại, vướng mắc được tháo gỡ và mức độ hài lòng. Công bố chỉ số tổng hợp phù hợp bảo mật; mời Hiệp hội đối thoại, khảo sát. Việc xác nhận mã, thời hạn, thẩm quyền TTHC tại các phụ lục Công văn 9378/STC-XTĐT thuộc cơ quan có thẩm quyền.	đáp ứng đầy đủ các điều kiện cần thiết để thực hiện. - Giải trình, tiếp thu Mục IV.3: + Khoản 2, khoản 5 Điều 8; Phụ lục I, Phụ lục V. Tiếp thu bổ sung vào Khoản 5 Điều 8 Dự thảo nội dung "Nhà đầu tư được tự quyết định và tự chịu trách nhiệm về hoạt động đầu tư kinh doanh theo quy định pháp luật Đầu tư hiện hành". - Giải trình Mục IV.4: + Điều 20, Điều 26, Điều 32; Phiếu vướng mắc Phụ lục V Dự thảo. - Giải trình Mục IV.5: + Khoản 1, khoản 6 Điều 4; khoản 2, khoản 6 Điều 9; Điều 19; Điều 28 Dự thảo quy định không thêm hồ sơ, mã bắt buộc, không khai lại thông tin, không thu phí hỗ trợ. - Giải trình Mục IV.6: + Điều 1, Điều 2 xác định phạm vi áp dụng chung; khoản 1 Điều 29 đã có báo cáo 06 tháng; khoản 1 Điều 32 cho phép đề xuất sửa đổi.

TT	Tên đơn vị	Nội dung ý kiến tham gia	Tiếp thu, chỉnh sửa
59	Sở Khoa học và Công nghệ (Văn bản số 4065/SKHCN-TC ngày 03/11/2026)	- Mục 1 của Văn bản: + Cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo Quyết định và Quy chế phối hợp. + Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát, chỉnh sửa một số lỗi kỹ thuật trình bày, bảo đảm tính thống nhất giữa các điều, khoản của dự thảo Quyết định và Quy chế ban hành kèm theo. - Mục 2 của Văn bản: + Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ có liên quan trực tiếp đến quá trình chuẩn bị, triển khai dự án đầu tư sử dụng vốn ngoài ngân sách để xác định danh mục, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và lộ trình thực hiện theo quy định. + Trường hợp không có thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu nêu trên, Sở Khoa học và Công nghệ không đề xuất danh mục bổ sung. - Mục 3 của Văn bản: + Đề xuất nội dung phối hợp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, tập trung vào việc tham gia ý kiến chuyên ngành đối với các nội dung liên quan đến công nghệ, chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, hạ tầng số, viễn thông và các lĩnh vực khác thuộc phạm vi quản lý khi có yêu cầu.	- Sở Tài chính tiếp thu Mục 1: + Rà soát, chỉnh sửa toàn bộ lỗi kỹ thuật trình bày của dự thảo Quyết định và Quy chế ban hành kèm theo, bảo đảm thể thức, kỹ thuật trình bày theo Điều 7 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15) và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP). + Chuẩn hóa tên Điều, thứ tự khoản, điểm; rà soát, bảo đảm thống nhất cách viện dẫn điều, khoản, điểm giữa dự thảo Quyết định, dự thảo Quy chế và các Phụ lục kèm theo (trong đó rà soát viện dẫn tại Phụ lục IV theo khoản 3 Điều 29 sau chỉnh sửa; hoàn thiện Phụ lục V). + Chuẩn hóa thống nhất nội dung tiêu đề "Ban hành kèm theo Quyết định số …/2026/QĐ-UBND ngày … tháng … năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang" với ký hiệu Quyết định ban hành Quy chế. - Giải trình Mục 2:

TT	Tên đơn vị	Nội dung ý kiến tham gia	Tiếp thu, chỉnh sửa
		+ Việc tham gia phối hợp, thẩm định, giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và quy định của pháp luật chuyên ngành; bảo đảm không làm thay đổi trách nhiệm của cơ quan chủ trì chuyên môn và cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính. + Đối với các nội dung triển khai trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Quyết định có hiệu lực, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ rà soát, phân công đầu mối chuyên môn, cung cấp thông tin về quy trình và phối hợp với Sở Tài chính trong quá trình tổ chức thực hiện theo quy định.	+ Khoản 2 Điều 2 Dự thảo Quyết định và Điều 5 Dự thảo Quy chế quy định công tác phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, xây dựng và quản lý Danh mục thủ tục hành chính phục vụ điều phối trên cơ sở các thủ tục hành chính đã được cơ quan, người có thẩm quyền công bố. - Giải trình Mục 3: + Khoản 2 Điều 1 dự thảo Quyết định; khoản 1, khoản 3 Điều 1, khoản 9 Điều 4, khoản 1 Điều 21 dự thảo Quy chế; việc tham gia phối hợp, thẩm định thực hiện theo pháp luật chuyên ngành.
60	UBND phường An Tường (Văn bản số 4099/UBND-KT,HT&ĐT ngày 04/11/2026)	- Thống nhất về sự cần thiết xây dựng cơ chế phối hợp nhằm tăng cường trao đổi thông tin, hỗ trợ nhà đầu tư, giảm thời gian luân chuyển hồ sơ và xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan. - Đề nghị Quy chế xác định cụ thể cơ quan đầu mối tiếp nhận, theo dõi và điều phối; cơ quan có thẩm quyền giải quyết từng thủ tục; trách nhiệm cung cấp, phản hồi thông tin của UBND cấp xã theo chức năng, nhiệm vụ được giao. - Đề nghị quy định rõ việc chuyển hồ sơ, trao đổi ý kiến, theo dõi tiến độ trên hệ thống điện tử; cơ chế xử lý trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, có ý kiến khác nhau hoặc phát sinh vướng mắc liên ngành. - Đối với các thủ tục liên quan đến đất đai, quy hoạch, xây dựng, môi trường và dự án đầu tư ngoài ngân sách, đề nghị phân định rõ nội dung thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp	- Giải trình: + Khoản 1, khoản 3 Điều 3; khoản 1 đến khoản 3 Điều 10 (Điều 9 sau khi tiếp thu chỉnh sửa); khoản 1 Điều 21 (Điều 19 sau khi tiếp thu chỉnh sửa); khoản 1 Điều 23 (Điều 21 sau khi tiếp thu chỉnh sửa) dự thảo Quy chế xác định Sở Tài chính là cơ quan đầu mối tiếp nhận, theo dõi, điều phối, không thay thế thẩm quyền tiếp nhận, thẩm định, giải quyết và trả kết quả của cơ quan chuyên môn. + Khoản 2 và khoản 5 Điều 9 (Điều 8 sau khi tiếp thu chỉnh sửa), Điều 18 (Điều 17 sau khi tiếp thu chỉnh sửa), khoản 3 và khoản 4 Điều 28 (Điều 26 sau khi tiếp thu chỉnh sửa) dự thảo Quy chế; việc kết nối,

TT	Tên đơn vị	Nội dung ý kiến tham gia	Tiếp thu, chỉnh sửa
		xã với hoạt động phối hợp xác minh, cung cấp thông tin hoặc lấy ý kiến.	chia sẻ dữ liệu thực hiện theo khoản 2 Điều 18 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 309/2026/NĐ-CP. + Về xử lý hồ sơ chưa đầy đủ, có ý kiến khác nhau, vướng mắc liên ngành: Điều 12 (Điều 11 sau khi tiếp thu chỉnh sửa), Điều 13 (Điều 12 sau khi tiếp thu chỉnh sửa), Điều 15 (Điều 14 sau khi tiếp thu chỉnh sửa) và Điều 26 (Điều 24 sau khi tiếp thu chỉnh sửa) dự thảo Quy chế đã quy định trình tự, trách nhiệm chủ trì và cơ chế họp, đối thoại giải quyết. + Về trách nhiệm của UBND cấp xã: khoản 8 Điều 4, Điều 11 (Điều 10 sau khi tiếp thu chỉnh sửa), khoản 4 Điều 15 (Khoản 2 Điều 14 sau khi tiếp thu chỉnh sửa), Điều 23 (Điều 21 sau khi tiếp thu chỉnh sửa) và Phụ lục I dự thảo Quy chế; hoạt động phối hợp, cung cấp thông tin, tham gia ý kiến chỉ thực hiện trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao, không thay thế ý kiến chuyên ngành của cơ quan có thẩm quyền. - Sở Tài chính tiếp thu, chỉnh sửa: (1) Rà soát, chuẩn hóa Phụ lục I và phần "Nguyên tắc áp dụng" để phân định rõ nhiệm vụ phối hợp của UBND cấp xã với nhiệm vụ thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã; khẳng

TT	Tên đơn vị	Nội dung ý kiến tham gia	Tiếp thu, chỉnh sửa
			định phụ lục chỉ là khung định hướng phối hợp, không là căn cứ xác lập hoặc thay đổi thẩm quyền. + Bổ sung tại Điều 11 (Điều 10 sau khi tiếp thu chỉnh sửa) dự thảo Quy chế yêu cầu văn bản đề nghị phối hợp phải nêu rõ nội dung cần trả lời, tài liệu kèm theo, sản phẩm đầu ra, cơ quan đầu mối và thời hạn phản hồi; trường hợp xác minh thực địa phải thông báo trước và gửi kèm thông tin vị trí, ranh giới, tài liệu liên quan. + Chỉnh sửa khoản 2 Điều 9 (Điều 8 sau khi tiếp thu chỉnh sửa) dự thảo Quy chế theo hướng làm rõ việc tiếp nhận và việc liên kết mã điều phối dự án với mã số hồ sơ thủ tục hành chính, không yêu cầu nhà đầu tư khai lại thông tin.
61	Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh (Văn bản số 2098/BQLKCNKKT-ĐTXDMT ngày 02/11/2026)	- Cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo Quyết định và Quy chế kèm theo; đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa, bổ sung một số nội dung sau: (1) Khoản 2 Điều 7: đề nghị chỉnh sửa theo hướng Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở; đối với hồ sơ thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh và các cơ quan khác, việc tiếp nhận, chuyển xử lý thực hiện theo quy định về cơ chế một cửa và thủ tục hành chính đã công bố; Sở Tài chính liên kết hồ sơ với mã điều phối dự án, theo dõi, đôn đốc, cung cấp thông tin tiến độ, không thay thế cơ quan có thẩm quyền trong tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả.	- Sở Tài chính tiếp thu, chỉnh sửa: + Bỏ Điều 7 dự thảo Quy chế theo quy định về cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Bổ sung Khoản 6 Điều 4 nguyên tắc Phân định đầu mối hỗ trợ và điều phối dự án đầu tư. + Bổ sung khoản 2 Điều 8 (Điều 7 sau khi tiếp thu chỉnh sửa) và khoản 1 Điều 13 (Điều 12 sau khi tiếp thu chỉnh sửa) dự thảo Quy chế nội dung đối với dự án trong khu công nghiệp, khu kinh tế, Ban Quản lý chủ trì hướng dẫn, xác định các thủ tục đầu tư thuộc thẩm quyền của Ban; Sở Tài chính

TT	Tên đơn vị	Nội dung ý kiến tham gia	Tiếp thu, chỉnh sửa
		(2) Khoản 2 Điều 8: đối với dự án trong khu công nghiệp, khu kinh tế, đề nghị quy định Ban Quản lý chủ trì hướng dẫn, xác định các thủ tục đầu tư thuộc thẩm quyền của Ban và phối hợp xây dựng lộ trình thực hiện; Sở Tài chính điều phối, kết nối, tổng hợp thông tin và theo dõi tiến độ chung. (3) Khoản 1 Điều 13: bổ sung nội dung đối với dự án trong khu công nghiệp, khu kinh tế, Ban Quản lý chủ trì các nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của Ban; Sở Tài chính điều phối các nội dung cần phối hợp nhiều cơ quan hoặc có vướng mắc liên ngành. (4) Khoản 3 Điều 13: đề nghị ghi rõ ý kiến của từng cơ quan, nội dung đã thống nhất, nội dung còn ý kiến khác nhau, nhiệm vụ, thời hạn thực hiện và cơ quan chịu trách nhiệm; việc xác định nhiệm vụ, thời hạn phải phù hợp với chức năng, thẩm quyền và thời hạn giải quyết thủ tục hành chính theo quy định. (5) Phụ lục I, STT 4: đề nghị giữ nguyên phân công Ban Quản lý là cơ quan thực hiện/đầu mối chuyên môn; rà soát bảo đảm thống nhất với Điều 8, Điều 10 và Điều 26; xác định rõ Sở Tài chính là đầu mối điều phối tổng thể, không thay thế vai trò chủ trì chuyên môn của Ban. (6) Phụ lục II: Bước 1 đề nghị quy định đối với dự án trong khu công nghiệp, khu kinh tế do Ban Quản lý chủ trì hướng dẫn, xác định sơ bộ thủ tục thuộc thẩm quyền của Ban và phối hợp xây dựng lộ trình; đồng thời bổ sung rõ thời hạn 05 ngày làm việc là thời gian hỗ trợ, phối hợp nội bộ, không phải thời hạn giải quyết thủ tục hành chính, không phải điều kiện bắt buộc để nộp hồ sơ và không làm phát sinh thời hạn mới đối với cơ quan giải quyết; Bước 6 đề nghị xác định	thực hiện điều phối, kết nối, tổng hợp thông tin, theo dõi tiến độ chung, bảo đảm thống nhất với khoản 2 Điều 10 và khoản 3 Điều 26 (Điều 24 sau khi tiếp thu chỉnh sửa). + Chỉnh sửa khoản 3 Điều 13 (Điều 12 sau khi tiếp thu chỉnh sửa) dự thảo Quy chế, bổ sung yêu cầu ghi rõ ý kiến của từng cơ quan, nội dung đã thống nhất, nội dung còn ý kiến khác nhau, nhiệm vụ, thời hạn thực hiện, cơ quan chịu trách nhiệm và nguyên tắc xác định nhiệm vụ, thời hạn phù hợp chức năng, thẩm quyền, thời hạn giải quyết thủ tục hành chính đã công bố. + Giữ nguyên phân công tại Phụ lục I - STT 4; rà soát bảo đảm thống nhất giữa Điều 8 (Điều 7 sau khi tiếp thu chỉnh sửa), Điều 10 (Điều 9 sau khi tiếp thu chỉnh sửa), Điều 26 (Điều 24 sau khi tiếp thu chỉnh sửa) và phần "Nguyên tắc áp dụng" của Phụ lục I, theo đó Sở Tài chính là đầu mối điều phối tổng thể, không thay thế vai trò chủ trì chuyên môn của Ban Quản lý. + Chỉnh sửa Bước 1 và Bước 6 Phụ lục II theo hướng xác định cơ quan chủ trì chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền; bổ sung ghi chú "các mốc thời gian tại Phụ lục II là thời hạn hỗ trợ, điều phối nội bộ, không phải thời hạn giải quyết thủ tục hành chính, không là điều kiện bắt buộc để nhà

TT	Tên đơn vị	Nội dung ý kiến tham gia	Tiếp thu, chỉnh sửa
		cơ quan chủ trì chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, đối với dự án trong khu công nghiệp, khu kinh tế do Ban Quản lý chủ trì nội dung thuộc thẩm quyền của Ban.	đầu tư nộp hồ sơ và không làm phát sinh thời hạn mới đối với cơ quan giải quyết".
62	UBND xã Kiên Đài (Văn bản số 1249/UBND-KT ngày 04/11/2026)	- Cơ bản nhất trí với sự cần thiết ban hành Quyết định và nội dung dự thảo Quy chế; đề nghị hoàn thiện một số nội dung: + Về trách nhiệm của UBND cấp xã: đề nghị bổ sung quy định riêng hoặc cụ thể hóa trong phần tổ chức thực hiện, gồm: cử đầu mối chỉ đạo, đầu mối chuyên môn và người thay thế, cập nhật thông tin liên hệ khi có thay đổi; cung cấp thông tin, dữ liệu thuộc phạm vi quản lý, phối hợp khảo sát địa điểm, xác minh hiện trạng, tham gia ý kiến theo yêu cầu hợp pháp của cơ quan chủ trì; tiếp nhận, giải quyết hoặc chuyển hồ sơ theo đúng thẩm quyền và phương thức tiếp nhận đã công bố; theo dõi, cập nhật phần việc được giao, kịp thời báo cáo khó khăn, nội dung vượt thẩm quyền và nguy cơ chậm tiến độ. Không yêu cầu cấp xã xác nhận thay cơ quan chuyên ngành đối với nội dung ngoài thẩm quyền. + Về tiếp nhận, luân chuyển và liên kết hồ sơ tại Điều 7, Điều 9 và Điều 10: đề nghị làm rõ trách nhiệm xác nhận đã nhận hồ sơ, thời điểm chuyển và tiếp nhận giữa các cơ quan; đầu mối xử lý khi hồ sơ chuyển chưa đúng nơi có thẩm quyền hoặc hệ thống gặp sự cố; mã điều phối dự án cần được liên kết với mã hồ sơ của từng thủ tục, hạn chế nhập lại dữ liệu; bảo đảm công chức cấp xã được cấp tài khoản, phân quyền phù hợp. + Về khảo sát, thời hạn phối hợp tại Điều 13 và Điều 14: đề nghị yêu cầu phối hợp phải nêu rõ nội dung cần trả lời,	- Giải trình: + Trách nhiệm của UBND cấp xã đã được quy định tại khoản 8 Điều 4, Điều 11 (Điều 10 sau khi tiếp thu chỉnh sửa), khoản 4 Điều 15 (Điều 14 sau khi tiếp thu), Điều 23 (Điều 21 sau khi tiếp thu) và khoản 1 Điều 28 (Điều 26 sau khi tiếp thu) dự thảo Quy chế. + Việc tiếp nhận, luân chuyển, liên kết hồ sơ và sử dụng mã điều phối dự án đã được quy định tại khoản 2, khoản 5, khoản 6 Điều 9 (Điều 8 sau khi tiếp thu); khoản 5 Điều 10 (Điều 9 sau khi tiếp thu); Điều 18(Điều 17 sau khi tiếp thu) và khoản 4 Điều 28 (Khoản 3 Điều 26 sau khi tiếp thu chỉnh sửa) dự thảo Quy chế; mã điều phối chỉ phục vụ quản lý, theo dõi nội bộ, không yêu cầu nhà đầu tư khai lại thông tin. +Yêu cầu phối hợp, khảo sát thực địa và thời hạn phản hồi đã được quy định tại khoản 2, khoản 5 Điều 11 (Điều 10 sau khi tiếp thu chỉnh sửa); khoản 4 Điều 8 (Điều 7 sau khi tiếp thu chỉnh sửa); Điều 13 (Điều 12 sau khi tiếp thu chỉnh sửa) và Điều 14 (Điều 13 sau khi tiếp thu chỉnh sửa) dự thảo Quy chế;

TT	Tên đơn vị	Nội dung ý kiến tham gia	Tiếp thu, chỉnh sửa
		tài liệu kèm theo, sản phẩm đầu ra, cơ quan đầu mối và thời hạn phản hồi; trường hợp xác minh thực địa phải gửi trước thông tin vị trí, ranh giới, tài liệu liên quan; ưu tiên khảo sát liên ngành tổ chức chung; các mốc phối hợp nội bộ phải phù hợp thời hạn giải quyết thủ tục hành chính, không tạo thêm thời gian chờ hoặc bước xác nhận bắt buộc đối với nhà đầu tư. + Về chia sẻ dữ liệu, điều kiện vận hành và báo cáo tại Điều 18, Điều 28, Điều 29: đề nghị làm rõ trách nhiệm cập nhật, xác nhận và xử lý khi dữ liệu giữa các hệ thống chưa thống nhất, cơ chế tái sử dụng dữ liệu; phương thức phối hợp dự phòng khi mất kết nối, sự cố hệ thống; đầu mối hỗ trợ kỹ thuật, hướng dẫn nghiệp vụ cho cấp xã và điều kiện nhân lực, thiết bị, tài khoản, an toàn thông tin; thời điểm chốt số liệu, thời hạn gửi báo cáo, ưu tiên khai thác số liệu trên hệ thống, hạn chế báo cáo trùng lặp. - Thống nhất nguyên tắc lập danh mục theo từng mã thủ tục hành chính, quyết định công bố, thẩm quyền giải quyết và quy trình hiện hành; trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Quyết định có hiệu lực, UBND xã rà soát nhiệm vụ, đề xuất danh mục phối hợp, cử đầu mối và tổng hợp điều kiện bảo đảm theo hướng dẫn.	+ Nội dung chia sẻ dữ liệu, điều kiện vận hành và chế độ báo cáo đã được quy định tại Điều 18 (Điều 17 sau khi tiếp thu chỉnh sửa), Điều 28 (Điều 26 sau khi tiếp thu chỉnh sửa), Điều 29 (Điều 27 sau khi tiếp thu chỉnh sửa) và Điều 31 (Điều 29 sau khi tiếp thu chỉnh sửa) dự thảo Quy chế; trường hợp chưa đáp ứng điều kiện kết nối, liên thông thì thực hiện theo phương thức công vụ hợp pháp, bảo đảm phân quyền, lưu vết.
63	UBND xã Quang Bình (Văn bản số 1097/UBND ngày 02/11/2026)	- Cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo Quyết định, Quy chế và các phụ lục kèm theo; tham gia ý kiến cụ thể: + Về điểm tiếp nhận hồ sơ (khoản 3 Điều 7): đề nghị hướng dẫn rõ quy trình số hóa, chuyển liên thông hồ sơ từ cấp xã lên các sở chuyên ngành áp dụng cho dự án đầu tư (phần mềm sử dụng, hạ tầng kết nối), bảo đảm thời gian luân	- Giải trình: + Việc tiếp nhận, số hóa, chuyển liên thông hồ sơ thực hiện theo quy định về cơ chế một cửa, một cửa liên thông và quy trình điện tử đã được phê duyệt; Quy chế chỉ quy định trách nhiệm phối hợp, theo dõi, đôn đốc của Sở Tài chính.

TT	Tên đơn vị	Nội dung ý kiến tham gia	Tiếp thu, chỉnh sửa
		chuyển hồ sơ không ảnh hưởng đến tiến độ chung của dự án. + Về khảo sát thực địa phối hợp (khoản 4 Điều 8 và khoản 1 Điều 13): thống nhất tổ chức một đợt khảo sát liên ngành; đề nghị quy định rõ thời gian cơ quan chủ trì chuyên môn phải thông báo trước cho UBND cấp xã tối thiểu 02 ngày làm việc trước khi khảo sát để địa phương chủ động bố trí cán bộ địa chính, lãnh đạo phối hợp và xác minh hiện trạng. + Về trách nhiệm phối hợp sau chấp thuận (khoản 2 Điều 25): đề nghị bổ sung nội dung "Cơ quan chuyên ngành cấp tỉnh có trách nhiệm chia sẻ kịp thời các văn bản quy hoạch chi tiết, giấy phép môi trường, giấy phép xây dựng đã cấp cho dự án về UBND xã để phục vụ công tác theo dõi, giám sát tại địa bàn". + Về Phụ lục I, Mục 6 (xác định hiện trạng, nguồn gốc đất): đề nghị làm rõ thời hạn tối đa để cấp xã trả lời văn bản xác minh nguồn gốc đất phục vụ điều phối nội bộ, đề xuất không quá 05 ngày làm việc đối với đất không có tranh chấp.	+ Đối với khảo sát thực địa, khoản 4 Điều 8 (Điều 7 sau tiếp thu chỉnh sửa) và khoản 1 Điều 13 (Điều 12 sau khi tiếp thu chỉnh sửa) dự thảo Quy chế đã quy định việc tổ chức khảo sát liên ngành; khoản 2 Điều 11 (Điều 10 sau khi tiếp thu chỉnh sửa) đã yêu cầu nêu rõ nội dung, tài liệu và thời hạn phản hồi, tạo cơ sở để cơ quan chủ trì thông báo trước cho địa phương. + Đối với trách nhiệm phối hợp sau chấp thuận, khoản 2 Điều 25 (Điều 23 sau khi tiếp thu chỉnh sửa) và Điều 29 (Điều 27 sau khi tiếp thu chỉnh sửa) dự thảo Quy chế đã quy định việc cung cấp, cập nhật thông tin phục vụ theo dõi, giám sát tại địa bàn theo chức năng, nhiệm vụ. + Đối với Phụ lục I - Mục 6, phụ lục chỉ là khung định hướng phối hợp, không thay thế thủ tục hành chính đã công bố; thời hạn trả lời văn bản xác minh là thời hạn phối hợp nội bộ, không phải thời hạn giải quyết thủ tục hành chính. - Sở Tài chính tiếp thu, chỉnh sửa: + Bỏ Điều 7 dự thảo Quy chế vì đã được quy định theo quy trình điện tử đã được phê duyệt, không quy định thêm phần mềm hoặc hạ tầng kỹ thuật mới. + Bổ sung tại Phụ lục I - Mục 6 và phần “Nguyên tắc áp dụng” của Phụ lục I nội

TT	Tên đơn vị	Nội dung ý kiến tham gia	Tiếp thu, chỉnh sửa
			dung xác định thời hạn tối đa 05 ngày làm việc để cấp xã trả lời văn bản xác minh nguồn gốc đất phục vụ điều phối nội bộ (đối với trường hợp đất không có tranh chấp), bảo đảm không làm thay đổi thời hạn giải quyết thủ tục hành chính.
64	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Văn bản số 40/TTPVHCC-KSTTHC ngày 06/11/2026)	- Cơ bản thống nhất với mục tiêu tăng cường phối hợp, hỗ trợ nhà đầu tư, theo dõi tiến độ, xử lý khó khăn, vướng mắc; đề nghị hoàn thiện một số nội dung: + Mục 1. Về sự cần thiết, phạm vi và hình thức ban hành Quy chế: đề nghị rà soát, đánh giá thực trạng phối hợp, làm rõ hạn chế, bất cập cần khắc phục; xác định cụ thể nội dung cần quy định và sự cần thiết ban hành bằng văn bản quy phạm pháp luật, bám sát Văn bản số 8386/UBND-KTN ngày 19/10/2026 của UBND tỉnh; không quy định lại hoặc quy định khác nội dung pháp luật cấp trên đã điều chỉnh; không phát sinh thủ tục hành chính, thành phần hồ sơ, điều kiện, nghĩa vụ, chi phí tuân thủ mới; rà soát khoản 4 Điều 1 về phạm vi loại trừ đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, dự án PPP và các trường hợp khác. + Mục 2. Về tiếp nhận, chuyển hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính: khoản 2 Điều 7 chưa thống nhất với khoản 1 Điều 23, đề nghị chỉnh sửa theo hướng việc tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ, số hóa, cấp mã số hồ sơ, chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền thực hiện theo quy định về cơ chế một cửa, một cửa liên thông và quy trình điện tử đã phê duyệt; Sở Tài chính thực hiện liên kết mã số hồ sơ thủ tục hành chính với mã điều phối dự án để theo dõi, tổng hợp, đôn đốc tiến độ. Khoản 5 Điều 9 đề nghị chỉnh sửa:	- Sở Tài chính tiếp thu, chỉnh sửa: + Bổ sung, hoàn thiện Tờ trình và thuyết minh về sự cần thiết, phạm vi điều chỉnh, tính tương thích với hệ thống pháp luật và điều kiện bảo đảm thực hiện; rà soát, chuẩn hóa viện dẫn giữa dự thảo Quyết định, dự thảo Quy chế và các Phụ lục. + Bỏ Điều 7 dự thảo Quy chế đã được quy định tại Nghị định số 118/2025/NĐ-CP. + Bổ sung tại Khoản 2 Điều 6 dự thảo Quy chế nội dung làm rõ phạm vi áp dụng, nguyên tắc dùng chung thông tin điều phối và không yêu cầu báo cáo lặp đối với dự án đồng thời thuộc cơ chế "Luồng xanh". + Chỉnh sửa Điều 22 (Điều 20 sau khi tiếp thu chỉnh sửa) dự thảo Quy chế theo phân định rõ chức năng của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh về nhiệm vụ tổ chức tiếp nhận, luân chuyển, theo dõi, trả kết quả, Bộ phận Một cửa. + Chỉnh sửa khoản 3 Điều 28 và gộp Khoản 4 vào Khoản 3 Điều 28 (Điều 26 sau khi tiếp thu chỉnh sửa), khoản 3 Điều 18 (Điều 17

TT	Tên đơn vị	Nội dung ý kiến tham gia	Tiếp thu, chỉnh sửa
		hồ sơ tiếp nhận trực tiếp được chuyển ngay trong ngày làm việc hoặc đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hằng ngày, bảo đảm đúng khoản 2 Điều 18 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 309/2026/NĐ-CP. + Mục 3. Về danh mục phục vụ điều phối: đề nghị sử dụng thống nhất thuật ngữ "Danh mục phục vụ điều phối" hoặc "Danh mục điều phối nội bộ" tại khoản 2 Điều 5, Điều 31 để phân biệt với danh mục thủ tục hành chính đã được công bố; việc rà soát, cập nhật không làm thay đổi tên, thành phần hồ sơ, thời hạn, phương thức tiếp nhận, trả kết quả hoặc thẩm quyền giải quyết; rà soát Phụ lục I bảo đảm chỉ có ý nghĩa định hướng phối hợp, không là căn cứ độc lập xác lập hoặc thay đổi thẩm quyền. + Mục 4. Về mối quan hệ giữa cơ chế "một trạm, một đầu mối" và cơ chế "Luồng xanh": đề nghị quy định rõ tại Điều 6 nguyên tắc phối hợp giữa hai cơ chế; làm rõ phạm vi áp dụng đối với dự án thuộc danh mục "Luồng xanh", tránh cách hiểu dự án thuộc cơ chế này đương nhiên thuộc cơ chế kia; đối với dự án thuộc cả hai cơ chế, quy định việc phối hợp, cập nhật, khai thác thông tin thống nhất, hạn chế trùng lặp trong theo dõi, đôn đốc, báo cáo. + Mục 5. Về trách nhiệm của Văn phòng UBND tỉnh và Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: đề nghị rà soát khoản 3 Điều 22, phân định rõ chức năng tham mưu, tổng hợp, kiểm soát thủ tục hành chính của Văn phòng UBND tỉnh với nhiệm vụ tổ chức tiếp nhận, luân chuyển, theo dõi, trả kết quả của Trung tâm, Bộ phận Một cửa; Trung tâm không thay thế trách nhiệm thẩm định, giải quyết chuyên	sau khi tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa) và khoản 3 Điều 13 (Điều 12 sau khi tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa) dự thảo Quy chế về trách nhiệm quản lý, vận hành hệ thống, phân quyền truy cập, lưu vết; tách riêng nhóm bí mật nhà nước, dữ liệu cá nhân, bí mật kinh doanh và bí mật công nghệ; khẳng định việc kết nối không làm thay đổi dữ liệu gốc, mã hồ sơ, trạng thái pháp lý và quy trình giải quyết thủ tục hành chính. + Rà soát, chỉnh sửa Điều 29 (Điều 27 sau khi tiếp thu chỉnh sửa), Điều 30 (Điều 28 sau khi tiếp thu chỉnh sửa) và Phụ lục IV xác định rõ trách nhiệm tổng hợp của Sở Tài chính, trách nhiệm cung cấp thông tin, số liệu của Trung tâm trong phạm vi quản lý và của cơ quan chuyên môn về số liệu, nội dung, tiến độ xử lý chuyên ngành. + Rà soát Phụ lục II và các điều khoản liên quan, bổ sung ghi chú các mốc thời gian là thời hạn điều phối, cảnh báo, đôn đốc nội bộ, không làm thay đổi thời hạn giải quyết thủ tục hành chính đã công bố; ưu tiên sử dụng hệ thống, nguồn lực, nhân lực hiện có theo hình thức kiêm nhiệm, không làm phát sinh đầu mối trung gian.

TT	Tên đơn vị	Nội dung ý kiến tham gia	Tiếp thu, chỉnh sửa
		môn và không chịu trách nhiệm về nội dung, tính chính xác của kết quả chuyên ngành; phân định rõ phản ánh về hoạt động hỗ trợ, điều phối dự án với phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính, không giao trùng đầu mối hoặc tạo thêm kênh xử lý thay thế cơ chế chính thức. + Mục 6. Về hệ thống thông tin, chia sẻ dữ liệu và bảo mật: khoản 3 Điều 28 đề nghị xác định rõ cơ quan chủ trì quản lý, vận hành hệ thống thông tin phục vụ điều phối; việc kết nối không làm thay đổi dữ liệu gốc, mã hồ sơ, trạng thái pháp lý hoặc quy trình giải quyết; khoản 3 Điều 18 đề nghị rà soát quy định chia sẻ dữ liệu liên quan bí mật nhà nước, quốc phòng, an ninh, bí mật công nghệ của nhà đầu tư, không sử dụng sự chấp thuận của nhà đầu tư để thay thế điều kiện, thẩm quyền, trình tự bắt buộc theo pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước; giới hạn thông tin chia sẻ ở mức cần thiết, có phân quyền truy cập, lưu vết; khoản 3 Điều 13 chỉ cập nhật vào hồ sơ thủ tục hành chính đối với tài liệu thuộc hồ sơ theo quy định. + Mục 7. Về chế độ báo cáo, chỉ số đánh giá và trách nhiệm xử lý hồ sơ: đề nghị rà soát Điều 29 và Phụ lục IV để thống nhất trách nhiệm tổng hợp, cung cấp, xác nhận dữ liệu; xác định rõ nguồn dữ liệu, cách tính, cơ quan chịu trách nhiệm đối với các chỉ số; không giao Trung tâm xác nhận số liệu ngoài phạm vi quản lý; rà soát Điều 30 để dẫn chiếu đầy đủ trách nhiệm đối với hồ sơ, kết quả bị sai, mất, thất lạc, hư hỏng hoặc chậm trả kết quả theo nguyên nhân, công đoạn và chủ thể thực tế. + Mục 8. Về tính khả thi và điều kiện tổ chức thực hiện: đề nghị rà soát Phụ lục II và các điều khoản về quy trình phối	

TT	Tên đơn vị	Nội dung ý kiến tham gia	Tiếp thu, chỉnh sửa
		hợp, thời hạn kiểm soát nội bộ, đầu mối, hệ thống thông tin; xác định rõ nội dung là quy trình nghiệp vụ nội bộ và nội dung quy định trong Quy chế; các mốc điều phối nội bộ chỉ phục vụ cảnh báo, theo dõi, đôn đốc; đánh giá khả năng đáp ứng nhân lực, hạ tầng, kinh phí; ưu tiên sử dụng hệ thống, nguồn lực hiện có, không phát sinh đầu mối trung gian; trường hợp chưa đủ điều kiện kết nối phải quy định phương thức phối hợp thay thế.	
65	Sở Tư pháp (Văn bản số 3729/STP-XDKTVB&THPL ngày 04/11/2026)	1. Về căn cứ pháp lý và sự cần thiết ban hành: - Qua rà soát, không có văn bản quy định trực tiếp giao thẩm quyền cho UBND tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy chế. Tuy nhiên, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15), UBND tỉnh có thể ban hành Quyết định để quy định những nội dung chưa được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, tạo cơ sở pháp lý, tăng cường hiệu quả phối hợp giải quyết thủ tục hành chính và hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư theo cơ chế "một trạm, một đầu mối" trên địa bàn tỉnh. 2. Về dự thảo Quyết định: - Căn cứ ban hành: rà soát, bỏ các căn cứ không phải là văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn, không quy định thẩm quyền, chức năng của cơ quan ban hành, không quy định nội dung, cơ sở để ban hành văn bản theo Điều 62 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP) (như căn cứ thứ 2, 5, 8, 10, 11, 12, 13, 14…).	- Sở Tài chính tiếp thu, chỉnh sửa: + Hoàn thiện Tờ trình, thuyết minh về căn cứ pháp lý, sự cần thiết ban hành theo điểm c khoản 2 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15), xác định rõ Quy chế chỉ quy định nội dung chưa được pháp luật cấp trên điều chỉnh. + Rà soát, bỏ các căn cứ ban hành không phải văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn theo Điều 62 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP); chuẩn hóa thể thức dự thảo Quyết định theo Mẫu số 20 Phụ lục III Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. + Chỉnh sửa Điều 1 dự thảo Quyết định thành "Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp…"; bỏ Điều 2, chuyển Điều 3 thành Điều 2 với tên "Điều khoản thi

TT	Tên đơn vị	Nội dung ý kiến tham gia	Tiếp thu, chỉnh sửa
		- Chỉnh sửa theo đúng Mẫu số 20 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP: bỏ cụm từ "ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG", "QUYẾT ĐỊNH"; ghi căn cứ là Luật theo "Căn cứ Luật… số…;", căn cứ là Nghị định, Thông tư ghi "tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản, tên cơ quan ban hành và tên gọi của văn bản"; bỏ đoạn "Xét sự cần thiết thiết lập cơ chế phối hợp…"; bỏ đoạn "tại Tờ trình số …/TTr-STC… và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số …/BC-STP…"; bổ sung đoạn cuối căn cứ ban hành "Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế…". - Điều 1: chỉnh sửa thành "Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong giải quyết thủ tục hành chính và hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư theo cơ chế "một trạm, một đầu mối" trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang". - Điều 2: đề nghị bỏ, vì nội dung tổ chức thực hiện đã quy định tại dự thảo Quy chế. - Điều 3: chuyển thành Điều 2, chỉnh tên Điều thành "Điều khoản thi hành". - Nơi nhận: bổ sung "Bộ Tài chính; Vụ Pháp chế, Bộ Tài chính; Cục Kiểm tra văn bản và tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp; các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; Báo và Phát thanh, Truyền hình Tuyên Quang"; sửa "Công báo tỉnh" thành "Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh (đăng Công báo)"; sắp xếp nơi nhận theo thứ tự địa vị pháp lý từ cao xuống thấp. 3. Về dự thảo Quy chế: - Vấn đề chung: loại bỏ các nội dung đã được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;	hành"; chỉnh sửa, bổ sung và sắp xếp lại phần "Nơi nhận" theo đề nghị của Sở Tư pháp. + Rà soát tổng thể dự thảo Quy chế theo hướng chỉ quy định nội dung, hình thức, trách nhiệm phối hợp; loại bỏ các nội dung quy định lại pháp luật cấp trên, các quy định về trình tự, thủ tục giải quyết thủ tục hành chính, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và các nội dung trùng lặp giữa các điều, khoản (Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 7, Điều 9, Điều 19, Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 32) và cập nhật lại số thứ tự các Khoản Điều của Dự thảo theo nội dung tiếp thu chỉnh sửa. + Rà soát, chỉnh sửa ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày theo Chương V Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP và Nghị định số 385/2026/NĐ-CP); chỉnh chú thích dưới tên Quy chế, không viết tắt cụm từ "Ủy ban nhân dân". + Thực hiện đúng trình tự, thủ tục: đăng tải bản tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến và hoàn thiện hồ sơ gửi Sở Tư pháp thẩm định theo quy định. - Giải trình: + Đối với đề nghị xem xét lại sự cần thiết quy định tại Điều 10 (Điều 9 sau khi tiếp thu

TT	Tên đơn vị	Nội dung ý kiến tham gia	Tiếp thu, chỉnh sửa
		các quy định về trình tự, thủ tục giải quyết thủ tục hành chính, dự án đầu tư và quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân. Quy chế chỉ quy định nội dung, hình thức, trách nhiệm phối hợp; không đặt ra quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, quy trình, thủ tục mới; rà soát loại bỏ các quy định trùng lặp. - Điều 1: khoản 1 chỉnh sửa đoạn về thẩm định, quyết định, cấp phép… thành "Những nội dung không được quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành" và tách thành 01 khoản riêng; bỏ khoản 2 (đã có trong phạm vi điều chỉnh tại khoản 1); bỏ khoản 3 (không cần thiết). - Điều 2: khoản 1 bỏ cụm từ "Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh", "Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh"; khoản 3 bỏ cụm từ "việc thực hiện thủ tục hành chính vẫn tuân thủ quy định pháp luật và thủ tục hành chính đã được công bố". - Điều 3: chỉ giải thích từ ngữ chuyên môn, từ ngữ có thể hiểu theo nhiều nghĩa (khoản 1 trùng với khoản 1 Điều 21; khoản 4, 5 không cần thiết). - Điều 4: khoản 1 bỏ đoạn "Không sử dụng Quy chế này để đặt ra thủ tục hành chính, thành phần hồ sơ, điều kiện, tiêu chuẩn, thời hạn, phí, lệ phí hoặc nghĩa vụ tài chính mới đối với nhà đầu tư"; bỏ khoản 4 (quy định lại, không phù hợp khoản 7 Điều 3 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP); bỏ khoản 6 (quy định lại khoản 2a Điều 4 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP); bỏ khoản 7 (là quy định trách nhiệm, không phải nguyên tắc phối hợp); bỏ khoản 9 (không phù	chỉnh sửa) đến Điều 18 (Điều 17 sau khi tiếp thu chỉnh sửa) dự thảo Quy chế: các điều này không quy định lại trình tự, thủ tục giải quyết thủ tục hành chính mà chỉ xác định nội dung, hình thức, thời hạn phối hợp, trao đổi thông tin, cách thức xử lý khi có ý kiến khác nhau giữa các cơ quan;

TT	Tên đơn vị	Nội dung ý kiến tham gia	Tiếp thu, chỉnh sửa
		hợp khoản 3, khoản 4 Điều 58 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật). - Điều 7: đề nghị bỏ, vì không phải quy định về phối hợp và đã được quy định tại Nghị định số 118/2025/NĐ-CP. - Điều 9: bỏ khoản 1, 2, 4, 5 (đã quy định tại Nghị định số 118/2025/NĐ-CP); bỏ khoản 6 (trùng lặp Điều 8). - Điều 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18: xem xét lại sự cần thiết, vì trình tự, thủ tục giải quyết thủ tục hành chính, dự án đầu tư thực hiện theo pháp luật chuyên ngành; nội dung xử lý khi có ý kiến khác nhau và phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh đối với hồ sơ trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã quy định tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh. - Điều 19: đề nghị bỏ. - Điều 21, Điều 22, Điều 23: chỉ quy định nội dung về trách nhiệm phối hợp; loại bỏ nội dung là nhiệm vụ, quyền hạn đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khác. - Điều 32: đề nghị bỏ. - Sở Tư pháp tiếp tục nghiên cứu và có ý kiến ở giai đoạn thẩm định. 4. Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày: rà soát theo Chương V Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP và Nghị định số 385/2026/NĐ-CP) và Phụ lục I, Mẫu số 20 Phụ lục III Nghị định số 187/2025/NĐ-CP; chỉnh chú thích dưới tên Quy chế thành "(Ban hành kèm theo Quyết định số.../20.../QĐ-UBND)"; không viết tắt cụm từ "Ủy ban nhân dân". 5. Về trình tự, thủ tục: đăng tải bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình trên cổng/trang thông tin điện tử chậm nhất	

TT	Tên đơn vị	Nội dung ý kiến tham gia	Tiếp thu, chỉnh sửa
		25 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến theo khoản 5 Điều 2 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP), thời gian đăng tải ít nhất 30 ngày; hoàn thiện hồ sơ gửi Sở Tư pháp thẩm định theo Điều 51b Nghị định số 78/2025/NĐ-CP; hồ sơ gửi bản điện tử và 01 bản giấy, báo cáo được ký, đóng dấu, dự thảo đóng dấu giáp lai, tài liệu khác đóng dấu treo; thời hạn thẩm định tính từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
66	Công an tỉnh (Văn bản số 14286/CAT-ANKT ngày 04/11/2026)	1. Đối với dự thảo Quyết định: - Cơ bản thống nhất với sự cần thiết ban hành, bố cục và nội dung dự thảo; dự thảo đã xác định rõ nguyên tắc chỉ thiết lập cơ chế phối hợp, điều phối, theo dõi, không làm thay đổi thẩm quyền, thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết thủ tục hành chính đã công bố. 2. Về đề xuất sửa đổi, bổ sung: - Khoản 2 Điều 1 Quy chế (phạm vi áp dụng): các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Công an tỉnh do Bộ trưởng Bộ Công an công bố, phần lớn được tiếp nhận qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, dịch vụ bưu chính. Đề nghị làm rõ: đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Công an tỉnh, việc tham gia Quy chế ở mức phối hợp, cung cấp thông tin phục vụ hướng dẫn nhà đầu tư; trình tự, quy trình giải quyết thực hiện theo quy định của Bộ Công an. - Khoản 3 Điều 18: cụm từ "chấp thuận bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền hoặc nhà đầu tư" chưa rõ, có thể hiểu nhà đầu tư được chấp thuận chia sẻ dữ liệu bí mật nhà nước. Đề nghị tách thành hai trường hợp: (a) dữ liệu thuộc bí mật nhà nước, quốc phòng, an ninh phải được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận theo pháp luật về bảo vệ bí mật	- Sở Tài chính tiếp thu, chỉnh sửa: + Sửa đổi khoản 2 Điều 1 dự thảo Quy chế nội dung: Những nội dung không được quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành. + Chỉnh sửa khoản 3 Điều 18 (Điều 17 sau khi tiếp thu chỉnh sửa) dự thảo Quy chế theo hướng tách riêng: (a) dữ liệu thuộc bí mật nhà nước, quốc phòng, an ninh phải được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận theo pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước; (b) bí mật công nghệ, bí mật kinh doanh phải được nhà đầu tư đồng ý; bổ sung nội dung dữ liệu thuộc cơ sở dữ liệu do Bộ Công an quản lý chỉ được khai thác, chia sẻ theo quy định của Bộ Công an. + Chỉnh sửa khoản 5 Điều 14 (Điều 13 sau khi tiếp thu chỉnh sửa) dự thảo Quy chế theo hướng khẳng định các mốc điều phối nội bộ không được tính vào hoặc loại trừ khỏi thời

TT	Tên đơn vị	Nội dung ý kiến tham gia	Tiếp thu, chỉnh sửa
		nhà nước; (b) bí mật công nghệ, bí mật kinh doanh phải được nhà đầu tư đồng ý. Đồng thời bổ sung: dữ liệu thuộc cơ sở dữ liệu do Bộ Công an quản lý chỉ được khai thác, chia sẻ theo quy định của Bộ Công an. - Khoản 5 Điều 14: nội dung "việc loại trừ thời hạn xử lý theo các mốc điều phối nội bộ khỏi thời hạn giải quyết thủ tục hành chính" chưa rõ nghĩa, dễ hiểu là cho phép kéo dài thời hạn, mâu thuẫn với khoản 2 Điều 14. Đề nghị lược bỏ hoặc viết lại theo hướng: các mốc điều phối nội bộ không được tính vào hoặc loại trừ khỏi thời hạn giải quyết thủ tục hành chính. - Kỹ thuật văn bản: phần "Nơi nhận" của Quyết định ghi "Như Điều 4" nhưng Quyết định chỉ có 03 điều, đề nghị sửa thành "Như khoản 3 Điều 3"; Phụ lục IV dẫn "khoản 4 Điều 29" nhưng Điều 29 chỉ có 03 khoản, đề nghị rà soát; khoản 2 Điều 2 Quyết định và khoản 1 Điều 31 Quy chế cùng quy định nhiệm vụ trong 30 ngày với nội dung chưa thống nhất, đề nghị quy định tại một điều. 3. Về phương thức vận hành cơ chế "một trạm, một đầu mối": - Bổ sung tại Điều 8 nội dung: đối với dự án có hạng mục chịu điều kiện chuyên ngành phải đáp ứng trước khi xin giấy phép xây dựng, Sở Tài chính mời cơ quan chuyên ngành tham gia ngay từ bước lập lộ trình thủ tục dự án để hướng dẫn nhà đầu tư thiết kế phù hợp, tránh phải điều chỉnh thiết kế, giấy phép xây dựng sau này. 4. Rà soát thủ tục hành chính và đề xuất lộ trình phối hợp: - Có 02 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy liên quan đến quá trình chuẩn bị, triển khai dự án đầu	hạn giải quyết thủ tục hành chính đã công bố. + Về kỹ thuật văn bản: sửa "Nơi nhận: Như Điều 4" thành "Như khoản 3 Điều 2" theo dự thảo cập nhật tiếp thu ý kiến của các cơ quan đơn vị; rà soát, chỉnh sửa viện dẫn tại Phụ lục IV theo khoản 3 Điều 29 (Điều 27 sau khi tiếp thu chỉnh sửa) sau chỉnh sửa; thống nhất quy định nhiệm vụ triển khai trong 30 ngày tại một điều, bảo đảm không trùng lặp giữa khoản 2 Điều 2 dự thảo Quyết định và khoản 1 Điều 31 (Điều 29 sau khi tiếp thu chỉnh sửa) dự thảo Quy chế. + Cập nhật 02 thủ tục hành chính lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và phân cấp thẩm quyền theo đề xuất của Công an tỉnh vào Phụ lục I; cập nhật thông tin đầu mối phối hợp theo Phụ lục II trong kế hoạch triển khai công tác phối hợp trong thời hạn 30 ngày sau khi Quyết định được ban hành. - Giải trình mục 3: + Khoản 2, Khoản 5 Điều 8 Dự thảo (nay chỉnh sửa thành Điều 7 của Dự thảo) hướng dẫn Quy trình phối hợp đã đề xuất nội dung cơ chế phối hợp hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính của các cơ quan đơn vị đến nhà đầu tư, trong đó các cơ quan đơn vị có trách nhiệm phối hợp cung cấp các thủ tục hành chính liên quan của ngành để xác lập Quy

TT	Tên đơn vị	Nội dung ý kiến tham gia	Tiếp thu, chỉnh sửa
		tư sử dụng vốn ngoài ngân sách (kèm Phụ lục I): (1) Thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy; (2) Thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy (trường hợp điều chỉnh thiết kế trong quá trình thi công đối với dự án, công trình đã được cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt mà chưa được chấp thuận kết quả nghiệm thu); phân cấp cụ thể giữa Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo khoản 1, khoản 2 Điều 9 Thông tư số 36/2025/TT-BCA ngày 15/5/2025 của Bộ Công an và Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ.	trình phối hợp dự án trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc.
67	Thuế tỉnh Tuyên Quang (Văn bản số 3156/TQU-CNTK ngày 03/11/2026)	- Nhất trí với nội dung dự thảo Quyết định và Quy chế kèm theo; việc ban hành Quy chế là cần thiết nhằm tăng cường trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư triển khai dự án trên địa bàn tỉnh. - Đối với các nội dung liên quan đến thuế, phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính: thống nhất thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành, bảo đảm đúng chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của cơ quan thuế; đồng thời phối hợp cung cấp, trao đổi thông tin và giải quyết các nội dung thuộc phạm vi quản lý. - Ngoài các nội dung nêu trên, không có ý kiến bổ sung đối với dự thảo. - Đã gửi kèm Phụ lục II về thông tin đầu mối phối hợp (lãnh đạo Thuế tỉnh, lãnh đạo phòng và chuyên viên đầu mối).	- Giải trình: Khoản 1 Điều 3, khoản 9 Điều 4 và khoản 2 Điều 24 (Điều 22 sau khi tiếp thu chỉnh sửa) dự thảo Quy chế đã khẳng định việc thực hiện thủ tục hành chính, phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính của từng thủ tục thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành; - Sở Tài chính tiếp thu: Cập nhật thông tin đầu mối phối hợp của Thuế tỉnh Tuyên Quang vào Phụ lục II phục vụ triển khai sau khi Quyết định được ban hành.
68	Sở Công Thương	- Cơ bản nhất trí với bố cục và nội dung dự thảo Quyết định ban hành Quy chế phối hợp trong giải quyết thủ tục hành	- Sở Tài chính tiếp thu Mục 1:

TT	Tên đơn vị	Nội dung ý kiến tham gia	Tiếp thu, chỉnh sửa
	(Văn bản số 4690/SCT-VP ngày 09/11/2026)	chính và hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư theo cơ chế "một trạm, một đầu mối" trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. - Mục 1. Đối với việc phối hợp giải quyết thủ tục hành chính: + Đề nghị rà soát, bổ sung và viện dẫn cụ thể các quy định tại Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 367/2025/NĐ-CP và Nghị định số 309/2026/NĐ-CP. + Theo đó, làm rõ quy định, phạm vi tiếp nhận thủ tục hành chính để thực hiện cơ chế "một trạm, một đầu mối". - Mục 2. Đối với hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư: + Đề nghị rà soát, xác định rõ căn cứ, điều kiện và thẩm quyền thực hiện cơ chế "một trạm, một đầu mối" của các cơ quan, đơn vị theo quy định tại Luật Đầu tư ngày 11/12/2025 và Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.	+ Tiếp thu thống nhất với ý kiến Sở Tư pháp, Trung tâm PVHCC, Ban Quản lý KCN&KKT: bỏ Điều 7, dự thảo Quy chế, không quy định lại nội dung đã được điều chỉnh tại Nghị định số 118/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 367/2025/NĐ-CP và Nghị định số 309/2026/NĐ-CP. + Chuẩn hóa thống nhất thuật ngữ "Danh mục phục vụ điều phối" tại khoản 2 Điều 5 và khoản 1 Điều 31 (Điều 29 sau khi tiếp thu chỉnh sửa) dự thảo Quy chế để phân biệt với danh mục thủ tục hành chính đã được công bố. - Giải trình Mục 1: + Điều 9 (Điều 8 sau khi tiếp thu chỉnh sửa) dự thảo Quy chế đã nêu tiếp nhận hồ sơ, trả lại, yêu cầu bổ sung, hoàn thành hồ sơ thủ tục hành chính thực hiện theo quy định của pháp luật về cơ chế một cửa, một cửa liên thông và quyết định công bố thủ tục hành chính. - Giải trình Mục 2: + Khoản 2 Điều 1 dự thảo Quyết định và khoản 3 Điều 1, khoản 1 Điều 4, khoản 9 Điều 4, khoản 1 Điều 21 (Điều 19 sau khi tiếp thu chỉnh sửa) dự thảo Quy chế đã quy định Quy chế chỉ thiết lập cơ chế phối hợp, điều phối, trao đổi thông tin, theo dõi và đôn

TT	Tên đơn vị	Nội dung ý kiến tham gia	Tiếp thu, chỉnh sửa
			đốc; không phân cấp, ủy quyền, chuyển giao thẩm quyền hoặc tạo mới thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính.
II. NHÓM ĐỒNG Ý, NHẤT TRÍ VỚI DỰ THẢO			
69	UBND xã Mèo Vạc (Văn bản số 2371/UBND-KT ngày 04/11/2026)	- Nhất trí với toàn bộ nội dung dự thảo và không có ý kiến đề xuất sửa đổi, bổ sung.	
70	UBND xã Hàm Yên (Văn bản số 1932/UBND-KT ngày 04/11/2026)	- Nhất trí các nội dung trong dự thảo và không có ý kiến gì thêm.	
71	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình số 01 (Văn bản số 2831/BDA01-HCTH ngày 03/11/2026)	- Nhất trí với nội dung dự thảo Quyết định và Quy chế kèm theo, không có ý kiến đề nghị sửa đổi, bổ sung. - Đối với các nội dung rà soát, đề xuất tại Phụ lục I và Phụ lục II, theo chức năng, nhiệm vụ, Ban không có nội dung đề xuất về danh mục thủ tục hành chính.	
72	UBND xã Bình Ca (Văn bản số 1917/UBND-KT ngày 04/11/2026)	- Nhất trí với nội dung dự thảo Quyết định ban hành Quy chế.	
73	UBND xã Bạch Ngọc (Văn bản số 1933/UBND-KT ngày 04/11/2026)	- Nhất trí với nội dung dự thảo và không có ý kiến bổ sung.	
74	UBND xã Pà Vầy Sủ (Văn bản số 1572/UBND-KT ngày 03/11/2026)	- Nhất trí với dự thảo Quyết định ban hành Quy chế; không có ý kiến sửa đổi, bổ sung đối với dự thảo Quy chế.	
75	UBND xã Tát Ngà (Văn bản số 834/UBND-PKT ngày 03/11/2026)	- Nhất trí với các nội dung của dự thảo văn bản và không có ý kiến bổ sung thêm.	

TT	Tên đơn vị	Nội dung ý kiến tham gia	Tiếp thu, chỉnh sửa
76	UBND xã Cán Tỷ (Văn bản số 1381/UBND-KT ngày 03/11/2026)	- Nhất trí với dự thảo văn bản, không có ý kiến bổ sung thêm.	
77	UBND xã Du Già (Văn bản số 1875/UBND-KT ngày 04/11/2026)	- Nhất trí với nội dung dự thảo.	
78	Chi cục Hải quan khu vực XVI - Hải quan Tuyên Quang (Văn bản số 792/CV-HQTQ ngày 04/11/2026)	- Nhất trí đối với nội dung của dự thảo và không có ý kiến tham gia bổ sung.	
79	UBND xã Đường Hồng (Văn bản số 974/UBND-KT ngày 02/11/2026)	- Hoàn toàn nhất trí với dự thảo và không có ý kiến bổ sung.	
80	UBND xã Đồng Văn (Văn bản số 2084/UBND-KT ngày 03/11/2026)	- Cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo trình bày và không có ý kiến bổ sung.	
81	UBND xã Hồ Thầu (Văn bản số 2176/UBND-KT ngày 02/11/2026)	- Nhất trí với nội dung dự thảo Quyết định ban hành Quy chế phối hợp trong giải quyết thủ tục hành chính và hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư theo cơ chế "một trạm, một đầu mối" trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; không có ý kiến đề nghị sửa đổi, bổ sung.	
82	UBND xã Hoàng Su Phì (Văn bản số 1926/UBND-KT ngày 04/11/2026)	- Nhất trí với nội dung dự thảo Quyết định ban hành Quy chế phối hợp trong giải quyết thủ tục hành chính và hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư theo cơ chế "một trạm, một đầu mối" trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang và không có ý kiến gì thêm.	
83	UBND xã Khuôn Lùng (Văn bản số 1754/UBND-KT ngày 04/11/2026)	- Nhất trí với dự thảo Quyết định do Sở Tài chính soạn thảo.	

TT	Tên đơn vị	Nội dung ý kiến tham gia	Tiếp thu, chỉnh sửa
84	UBND xã Kim Bình (Văn bản số 1481/UBND-KT ngày 03/11/2026)	- Nhất trí với các nội dung dự thảo, không có ý kiến tham gia bổ sung.	
85	UBND xã Lao Chải (Văn bản số 1184/UBND-KT ngày 01/11/2026)	- Nhất trí đối với bản dự thảo và không có ý kiến tham gia gì thêm.	
86	UBND xã Linh Hồ (Văn bản số 1574/UBND-KT ngày 30/10/2026)	- Đồng ý với dự thảo Quyết định ban hành Quy chế phối hợp trong giải quyết thủ tục hành chính và hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư theo cơ chế "một trạm, một đầu mối" trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, không có ý kiến chỉnh sửa, bổ sung.	
87	UBND xã Minh Tân (Văn bản số 2335/UBND-KT ngày 02/11/2026)	- Nhất trí với nội dung của Quyết định và không có ý kiến tham gia chỉnh sửa, bổ sung.	
88	UBND xã Minh Thanh (Văn bản số 1846/UBND-KT ngày 02/11/2026)	- Nhất trí với nội dung dự thảo Quyết định ban hành Quy chế phối hợp trong giải quyết thủ tục hành chính và hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư theo cơ chế "một trạm, một đầu mối" trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang do Sở Tài chính soạn thảo.	
89	UBND xã Nà Hang (Văn bản số 1448/UBND-TH ngày 02/11/2026)	- Nhất trí với bố cục, các nội dung dự thảo nêu trên.	
90	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh Khu vực 4 (Văn bản số 2878/KV4-TH ngày 03/11/2026)	- Nhất trí với dự thảo Quyết định. - Về rà soát thủ tục hành chính và danh mục phối hợp tại các Phụ lục: Các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của Ngân hàng Nhà nước không phát sinh hoặc không nằm trong nhóm thủ tục hành chính gắn với quy trình chấp thuận chủ trương đầu tư, đất đai, xây dựng và môi trường của dự án đầu tư ngoài ngân sách tại địa phương. Do đó, Ngân hàng Nhà nước Khu vực 4 không phát sinh danh mục thủ tục hành chính trực tiếp tiếp nhận,	

TT	Tên đơn vị	Nội dung ý kiến tham gia	Tiếp thu, chỉnh sửa
		giải quyết trong quá trình cấp phép dự án đầu tư theo các Phụ lục đính kèm.	
91	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Văn bản số 8115/SNNMT-VP ngày 04/11/2026)	- Nhất trí với nội dung dự thảo Quyết định ban hành Quy chế phối hợp trong giải quyết thủ tục hành chính và hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư theo cơ chế "một trạm, một đầu mối" trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang do Sở Tài chính chủ trì xây dựng, không có ý kiến tham gia bổ sung.	
92	Phòng Đầu tư công (Sở Tài chính) (Văn bản ngày 02/11/2026)	- Không tham gia ý kiến đối với dự thảo Quyết định, do nội dung tại Quy chế không áp dụng đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công và không thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý của Phòng.	
93	UBND xã Quản Bạ (Văn bản số 1649/UBND-KTTH ngày 02/11/2026)	- Nhất trí với dự thảo Quyết định ban hành Quy chế.	
94	Sở Dân tộc và Tôn giáo (Văn bản số 1881/SDTTG-CSDT ngày 03/11/2026)	- Nhất trí với nội dung dự thảo và không có ý kiến tham gia, bổ sung.	
95	Sở Nội vụ (Văn bản số 4378/SNV-VP ngày 04/11/2026)	- Nhất trí với nội dung dự thảo và không có ý kiến bổ sung khác. - Về đề xuất danh mục, thời gian và lộ trình thực hiện TTHC: Sở Nội vụ không có dự án đầu tư sử dụng vốn ngoài ngân sách thuộc lĩnh vực do cơ quan, đơn vị trực tiếp tiếp nhận, giải quyết hoặc tham mưu giải quyết có liên quan đến quá trình chuẩn bị, triển khai dự án đầu tư; do đó, không có đề xuất đối với nội dung này.	
96	UBND xã Sơn Vĩ (Văn bản số 725/UBND-KT ngày 04/11/2026)	- Nhất trí với các nội dung trong dự thảo Quyết định, không đề xuất chỉnh sửa, bổ sung nội dung khác.	

TT	Tên đơn vị	Nội dung ý kiến tham gia	Tiếp thu, chỉnh sửa
97	UBND xã Tân An (Văn bản số 1386/UBND-KT ngày 02/11/2026)	- Nhất trí với nội dung, bố cục dự thảo Quyết định và không tham gia ý kiến gì thêm.	
98	UBND xã Tân Long (Văn bản số 1509/UBND-KT ngày 03/11/2026)	- Nhất trí với nội dung dự thảo Quyết định.	
99	UBND xã Tân Mỹ (Văn bản số 976/UBND-KT ngày 04/11/2026)	- Nhất trí với nội dung dự thảo và không có ý kiến tham gia bổ sung.	
100	UBND xã Tân Thanh (Văn bản số 1254/UBND-KT ngày 03/11/2026)	- Nhất trí với nội dung dự thảo Quyết định.	
101	UBND xã Tân Tiến (Văn bản số 1868/UBND-KT ngày 02/11/2026)	- Nhất trí với nội dung dự thảo và không có ý kiến tham gia bổ sung.	
102	UBND xã Đường Thượng (Văn bản số 1830/UBND-KT ngày 01/11/2026)	- Đồng ý với dự thảo Quyết định và không có ý kiến bổ sung.	
103	Thanh tra tỉnh (Văn bản số 2287/TTr-NV4 ngày 04/11/2026)	- Nhất trí với dự thảo Quyết định ban hành Quy chế.	
104	UBND xã Thượng Sơn (Văn bản số 608/UBND-PKT ngày 04/11/2026)	- Nhất trí với nội dung dự thảo Quyết định và không có ý kiến bổ sung.	
105	UBND xã Trường Sinh (Văn bản số 2755/UBND-KT ngày 30/10/2026)	- Nhất trí với dự thảo Quyết định, không có ý kiến tham gia bổ sung.	

TT	Tên đơn vị	Nội dung ý kiến tham gia	Tiếp thu, chỉnh sửa
106	UBND xã Tùng Vài (Văn bản số 788/UBND-KT ngày 02/11/2026)	- Qua tổng hợp ý kiến của các cơ quan chuyên môn, UBND xã không có ý kiến bổ sung đối với dự thảo Quyết định.	
107	UBND xã Yên Hoa (Văn bản số 737/UBND-KT ngày 02/11/2026)	- Nhất trí với nội dung dự thảo Quyết định và Quy chế kèm theo, không có ý kiến đề nghị sửa đổi, bổ sung. - UBND xã Yên Hoa sẽ phối hợp triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của địa phương khi Quy chế được ban hành, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao.	
108	UBND xã Yên Phú (Văn bản số 3286/UBND-KT ngày 02/11/2026)	- Nhất trí với dự thảo Quyết định và không có ý kiến gì thêm.	
109	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Văn bản số 3852/SVHTTDL-VP ngày 03/11/2026)	- Nhất trí với dự thảo Quyết định ban hành Quy chế phối hợp trong giải quyết thủ tục hành chính và hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư theo cơ chế "một trạm, một đầu mối" trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch không có TTHC trong thực hiện dự án đầu tư sử dụng vốn ngoài ngân sách, do đó không có đề xuất.	
110	UBND xã Bắc Mê (Văn bản số 1352/UBND-KT ngày 05/11/2026)	- Hoàn toàn nhất trí với các nội dung dự thảo Quy chế phối hợp trong giải quyết thủ tục hành chính và hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư theo cơ chế "một trạm, một đầu mối" trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; không có ý kiến bổ sung gì thêm.	
111	UBND xã Bạch Xa (Văn bản số 1600/UBND-KT ngày 05/11/2026)	- Nhất trí với dự thảo Quyết định ban hành Quy chế phối hợp trong giải quyết thủ tục hành chính và hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư theo cơ chế "một trạm, một đầu mối" trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; không có ý kiến gì khác.	

TT	Tên đơn vị	Nội dung ý kiến tham gia	Tiếp thu, chỉnh sửa
112	UBND xã Bản Máy (Văn bản số 1812/CV-UBND ngày 05/11/2026)	- Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo và triển khai lấy ý kiến các bộ phận chuyên môn, UBND xã Bản Máy nhất trí với nội dung dự thảo Quyết định ban hành Quy chế phối hợp trong giải quyết thủ tục hành chính và hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư theo cơ chế "một trạm, một đầu mối" trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; không có ý kiến bổ sung.	
113	UBND xã Hồng Sơn (Văn bản số 1650/UBND-PKT ngày 04/11/2026)	- Hoàn toàn nhất trí và thống nhất cao với toàn bộ nội dung dự thảo Quyết định ban hành Quy chế phối hợp trong giải quyết thủ tục hành chính và hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư theo cơ chế "một trạm, một đầu mối" trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; dự thảo phù hợp với quy định hiện hành, bảo đảm tính khả thi, rõ ràng và thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình phối hợp triển khai thực hiện. - Nhất trí với các nội dung rà soát, đề xuất lộ trình và danh mục công việc triển khai ban hành kèm theo dự thảo; cam kết chủ động rà soát, bố trí cán bộ đầu mối chuyên môn và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để triển khai ngay khi Quyết định có hiệu lực thi hành.	
114	UBND xã Lũng Phìn (Văn bản số 889/UBND-PKT ngày 05/11/2026)	- Thống nhất sự cần thiết ban hành Quy chế phối hợp trong giải quyết thủ tục hành chính và hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư theo cơ chế "một trạm, một đầu mối" trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. - Đã rà soát và gửi kèm Phụ lục I về nhóm thủ tục hành chính, lộ trình phối hợp; Phụ lục II về 07 nhóm công việc triển khai trong 30 ngày và thông tin đầu mối phối hợp.	
115	UBND phường Mỹ Lâm	- Sau khi nghiên cứu, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền theo địa bàn quản lý, UBND phường Mỹ Lâm nhất trí với nội dung dự thảo Quyết định của UBND tỉnh về việc	

TT	Tên đơn vị	Nội dung ý kiến tham gia	Tiếp thu, chỉnh sửa
	(Văn bản số 1748/UBND-KTHT&ĐT ngày 04/11/2026)	ban hành Quy chế phối hợp trong giải quyết thủ tục hành chính và hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư theo cơ chế "một trạm, một đầu mối" trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang do Sở Tài chính chủ trì tham mưu soạn thảo; không có ý kiến bổ sung.	
116	UBND xã Ngọc Long (Văn bản số 674/UBND-PKT ngày 05/11/2026)	- Nhất trí với nội dung dự thảo Quyết định và Quy chế phối hợp kèm theo; không có ý kiến đề xuất sửa đổi, bổ sung khác.	
117	UBND xã Niêm Sơn (Văn bản số 788/UBND-KT ngày 05/11/2026)	- Nhất trí với các nội dung của dự thảo Quyết định ban hành Quy chế phối hợp trong giải quyết thủ tục hành chính và hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư theo cơ chế "một trạm, một đầu mối" trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; không có ý kiến bổ sung.	
118	Sở Giáo dục và Đào tạo (Văn bản số 3851/SGDĐT-KHTC ngày 04/11/2026)	- Thống nhất với các nội dung của dự thảo Quyết định ban hành Quy chế phối hợp trong giải quyết thủ tục hành chính và hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư theo cơ chế "một trạm, một đầu mối" trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; không có ý kiến đề nghị điều chỉnh, bổ sung.	
119	Sở Ngoại vụ (Văn bản số 2073/SNgV-VP ngày 05/11/2026)	- Nhất trí với nội dung, thể thức dự thảo Quyết định; không có ý kiến bổ sung. - Không có dự án đầu tư vốn ngoài ngân sách thuộc lĩnh vực đối ngoại do Sở trực tiếp tiếp nhận, giải quyết liên quan đến quá trình chuẩn bị, triển khai dự án.	
120	Sở Xây dựng (Văn bản số 6443/SXD-VP ngày 04/11/2026)	- Nhất trí với dự thảo Quyết định. - Đề xuất danh mục, thời gian, lộ trình thực hiện thủ tục hành chính tại Phụ lục I gồm 09 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực cấp phép xây dựng và quy hoạch. - Đề xuất công việc triển khai trong 30 ngày và đầu mối phối hợp theo Phụ lục II.	

TT	Tên đơn vị	Nội dung ý kiến tham gia	Tiếp thu, chỉnh sửa
121	UBND xã Sơn Dương (Văn bản số 2496/UBND-KT ngày 04/11/2026)	-- Nhất trí với dự thảo Quyết định	
122	UBND xã Bình An (Văn bản số 1573/CV-UBND ngày 05/11/2026)	- Nhất trí với nội dung dự thảo Quyết định ban hành Quy chế phối hợp trong giải quyết thủ tục hành chính và hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư theo cơ chế "một trạm, một đầu mối" trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.	
123	UBND xã Kiến Thiết (Văn bản số 1276/UBND-KT ngày 04/11/2026)	- Đồng tình với những nội dung trong dự thảo Quyết định ban hành Quy chế phối hợp trong giải quyết thủ tục hành chính và hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư theo cơ chế "một trạm, một đầu mối" trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; không có ý kiến bổ sung.	
124	UBND xã Yên Sơn (Văn bản số 1909/UBND-KT ngày 09/11/2026)	- Nhất trí với nội dung dự thảo Quyết định ban hành Quy chế phối hợp trong giải quyết thủ tục hành chính và hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư theo cơ chế “một trạm, một đầu mối” trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang do Sở Tài chính soạn thảo; không có ý kiến tham gia bổ sung.	
125	Ban Biên tập Cổng Thông tin điện tử tỉnh (Văn bản số 478/VP-BBT ngày 10/11/2026)	- Đã đăng tải công khai dự thảo Quyết định ban hành Quy chế phối hợp trong giải quyết thủ tục hành chính và hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư theo cơ chế “một trạm, một đầu mối” trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh từ ngày 31/10/2026 đến hết ngày 09/11/2026; trong thời gian đăng tải không nhận được ý kiến đóng góp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.	Không có ý kiến tham gia.
126	UBND xã Đông Thọ (Văn bản số 1012/UBND-KT ngày 05/11/2026)	- Nhất trí với nội dung dự thảo Quyết định và không có ý kiến khác.	

TT	Tên đơn vị	Nội dung ý kiến tham gia	Tiếp thu, chỉnh sửa
127	UBND xã Thắng Mố (Văn bản số 1329/UBND-PKT ngày 10/11/2026)	- Hoàn toàn nhất trí với dự thảo Quyết định và không có ý kiến tham gia bổ sung.	
128	UBND xã Vị Xuyên (Văn bản số 3976/UBND-KT ngày 11/11/2026)	- Nhất trí với nội dung dự thảo Quyết định và không có ý kiến bổ sung.	
129	UBND xã Pờ Ly Ngài (Văn bản số 851/UBND-PKT ngày 11/11/2026)	- Đồng ý với nội dung dự thảo Quyết định và không có ý kiến bổ sung.	